

Phụ lục 1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguồn vốn: ngân sách trung ương và ngân sách địa phương

(Kèm theo Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

| STT  | Sở, ban, ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mối giao kế hoạch)                                                                                                                                                                 | Kế hoạch đầu tư công trung hạn<br>giai đoạn 2021 - 2025 |           |               |         |                 |                 |                                                       | Kế hoạch đầu tư công trung hạn<br>giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh |           |               |                     |                                        |                 |                 |        | Ghi<br>chú |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------|---------------|---------|-----------------|-----------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|---------------------|----------------------------------------|-----------------|-----------------|--------|------------|
|      |                                                                                                                                                                                                                               | Tổng vốn                                                | Trong đó: |               |         |                 |                 |                                                       | Tổng vốn                                                               | Trong đó: |               |                     |                                        |                 |                 |        |            |
|      |                                                                                                                                                                                                                               |                                                         | NSTW      | NSDP bao gồm: |         |                 |                 |                                                       |                                                                        | NSTW      | NSDP bao gồm: |                     |                                        |                 |                 |        |            |
|      |                                                                                                                                                                                                                               |                                                         |           | NST           | NSH     |                 |                 |                                                       |                                                                        |           | Tổng số       | Tỉnh giao<br>đầu kỳ | Vốn chuyển từ ngân sách cấp huyện (cũ) |                 |                 |        |            |
|      |                                                                                                                                                                                                                               |                                                         |           |               | Tổng số | Vốn phân<br>cấp | Thu tiền<br>SDD | Vốn<br>khác<br>(tăng<br>thu, tiết<br>kiệm<br>chi,...) |                                                                        |           |               |                     | Tổng số                                | Vốn phân<br>cấp | Thu tiền<br>SDD |        |            |
|      | TỔNG CỘNG                                                                                                                                                                                                                     | 3.142.429                                               | 2.847.567 | 125.893       | 168.969 | 159.579         | 88              | 9.302                                                 | 3.133.890                                                              | 2.847.567 | 289.871       | 121.083             | 165.240                                | 130.757         | 19.578          | 14.905 | -          |
| I    | Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt                                                                                                                                               | 331.545                                                 | 296.125   | 18.797        | 16.623  | 16.599          | 24              | -                                                     | 329.081                                                                | 296.125   | 32.956        | 17.720              | 15.236                                 | 14.131          | 178             | 927    |            |
| II   | Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết                                                                                                                                                     | 567.528                                                 | 517.140   | 12.949        | 37.439  | 37.439          | -               | -                                                     | 572.594                                                                | 517.140   | 55.454        | 12.005              | 43.449                                 | 27.588          | 12.725          | 3.136  |            |
| III  | Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị                                                                                | 74.453                                                  | 69.863    | 2.873         | 1.717   | 1.717           | -               | -                                                     | 74.453                                                                 | 69.863    | 4.590         | 2.873               | 1.717                                  | 1.717           | -               | -      |            |
| *    | Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi                                  | 74.453                                                  | 69.863    | 2.873         | 1.717   | 1.717           |                 |                                                       | 74.453                                                                 | 69.863    | 4.590         | 2.873               | 1.717                                  | 1.717           | -               | -      |            |
| IV   | Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc                                                        | 1.516.487                                               | 1.369.637 | 58.592        | 88.258  | 78.892          | 64              | 9.302                                                 | 1.511.741                                                              | 1.369.637 | 142.104       | 58.592              | 83.512                                 | 70.051          | 5.501           | 7.960  |            |
| *    | Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi                                                                                                     | 1.516.487                                               | 1.369.637 | 58.592        | 88.258  | 78.892          | 64              | 9.302                                                 | 1.511.741                                                              | 1.369.637 | 142.104       | 58.592              | 83.512                                 | 70.051          | 5.501           | 7.960  |            |
| V    | Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực                                                                                                                                                       | 435.808                                                 | 395.872   | 23.613        | 16.323  | 16.323          | -               | -                                                     | 433.736                                                                | 395.872   | 37.864        | 23.613              | 14.251                                 | 11.455          | 506             | 2.290  |            |
| *    | Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số | 435.808                                                 | 395.872   | 23.613        | 16.323  | 16.323          | -               | -                                                     | 433.736                                                                | 395.872   | 37.864        | 23.613              | 14.251                                 | 11.455          | 506             | 2.290  |            |
| VI   | Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch                                                                                                           | 105.413                                                 | 94.348    | 5.025         | 6.040   | 6.040           | -               | -                                                     | 105.272                                                                | 94.348    | 10.924        | 5.025               | 5.899                                  | 4.916           | 391             | 592    |            |
| VII  | Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em                                                                                                    | 32.984                                                  | 29.985    | 2.999         | -       | -               |                 |                                                       | 32.984                                                                 | 29.985    | 2.999         | 2.999               |                                        |                 |                 |        |            |
| VIII | Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn                                                                                                                              | 10.910                                                  | 9.918     | 992           | -       | -               |                 |                                                       | 10.910                                                                 | 9.918     | 992           | 992                 |                                        |                 |                 |        |            |
| *    | Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù                                                                              | 10.910                                                  | 9.918     | 992           | -       | -               |                 |                                                       | 10.910                                                                 | 9.918     | 992           | 992                 |                                        |                 |                 |        |            |
| IX   | Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình                                                              | 70.849                                                  | 64.679    | 3.601         | 2.569   | 2.569           | -               | -                                                     | 66.667                                                                 | 64.679    | 1.988         | 812                 | 1.176                                  | 899             | 277             | -      |            |
| *    | Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi                                                                           | 70.849                                                  | 64.679    | 3.601         | 2.569   | 2.569           |                 |                                                       | 66.667                                                                 | 64.679    | 1.988         | 812                 | 1.176                                  | 899             | 277             | -      |            |

Phụ lục 2  
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (BAO GỒM KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 VỀ TRƯỚC ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2025)  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BAO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI  
Nguồn vốn: ngân sách trung ương và ngân sách địa phương  
(Kèm theo Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

| STT          | Sở, ban, ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mối giao kế hoạch)                                                                                                                                                                 | Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025) |              |               |         |              |                                        |                                                                |              |                                        |                                        |       |         | Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh |         |              |              |                                        |        |         |                                                                |                  |         |              |              |               |         | Ghi chú                                |               |       |     |  |
|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------|---------|--------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------|----------------------------------------|-------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------|--------------|----------------------------------------|--------|---------|----------------------------------------------------------------|------------------|---------|--------------|--------------|---------------|---------|----------------------------------------|---------------|-------|-----|--|
|              |                                                                                                                                                                                                                               | Kế hoạch vốn năm 2025                                                                          |              |               |         |              |                                        | Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025 |              |                                        |                                        |       |         | Kế hoạch vốn năm 2025                                                                                         |         |              |              |                                        |        |         | Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025 |                  |         |              |              |               |         |                                        |               |       |     |  |
|              |                                                                                                                                                                                                                               | Tổng vốn                                                                                       | Trong đó:    |               |         |              |                                        |                                                                | Tổng vốn     | Trong đó:                              |                                        |       |         |                                                                                                               |         | Tổng vốn     | Trong đó:    |                                        |        |         |                                                                |                  |         | Tổng vốn     | Trong đó:    |               |         |                                        |               |       |     |  |
|              |                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                | NSTW         | NSDP bao gồm: |         |              |                                        |                                                                |              | NSTW                                   | NSDP bao gồm:                          |       |         |                                                                                                               |         |              | NSTW         | NSDP bao gồm:                          |        |         |                                                                |                  |         |              | NSTW         | NSDP bao gồm: |         |                                        |               |       |     |  |
|              |                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                |              | NST           | Tổng số | NSH          |                                        |                                                                |              |                                        | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi,...) | NST   | Tổng số | NSH                                                                                                           |         |              |              | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi,...) | NST    | Tổng số | NSDP bao gồm:                                                  |                  |         |              |              | NST           | Tổng số |                                        | NSDP bao gồm: |       |     |  |
| Vốn phân cấp | Thu tiền SDD                                                                                                                                                                                                                  | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi,...)                                                         | Vốn phân cấp |               |         | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi,...) | Vốn phân cấp                                                   | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi,...) |                                        |       |         | Tính giao đầu kỳ                                                                                              | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD |                                        |        |         | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi,...)                         | Tính giao đầu kỳ | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD |               |         | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi,...) |               |       |     |  |
|              | TỔNG CỘNG                                                                                                                                                                                                                     | 865.839                                                                                        | 796.123      | 34.312        | 35.404  | 34.182       | 1.230                                  | 210.155                                                        | 191.343      | 14.665                                 | 4.147                                  | 4.059 | 88      | -                                                                                                             | 874.855 | 796.123      | 78.732       | 32.207                                 | 46.525 | 25.185  | 14.866                                                         | 6.474            | 184.353 | 160.466      | 23.886       | 18.658        | 5.228   | 2.899                                  | 2.189         | 140   |     |  |
| I            | Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt                                                                                                                                               | 75.913                                                                                         | 66.875       | 4.528         | 4.510   | 4.510        | -                                      | -                                                              | 27.809       | 25.079                                 | 2.317                                  | 413   | 389     | 24                                                                                                            | -       | 75.075       | 66.875       | 8.200                                  | 3.453  | 4.747   | 3.866                                                          | 90               | 791     | 29.530       | 25.389       | 4.141         | 3.611   | 530                                    | 442           | 88    | -   |  |
| II           | Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết                                                                                                                                                     | 164.277                                                                                        | 150.303      | 3.252         | 10.722  | 10.722       | -                                      | -                                                              | 73.768       | 69.262                                 | 2.548                                  | 1.958 | 1.958   | -                                                                                                             | -       | 172.738      | 150.303      | 22.435                                 | 2.308  | 20.127  | 8.702                                                          | 11.225           | 200     | 50.470       | 45.964       | 4.506         | 2.548   | 1.958                                  | 458           | 1.500 | -   |  |
| III          | Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị                                                                                | 64.323                                                                                         | 61.874       | 2.449         | -       |              |                                        | 990                                                            | 900          | 90                                     | -                                      |       |         |                                                                                                               | 64.323  | 61.874       | 2.449        | 2.449                                  | -      |         |                                                                |                  | 990     | 900          | 90           | 90            | -       |                                        |               |       |     |  |
| *            | Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi                                  | 64.323                                                                                         | 61.874       | 2.449         | -       |              |                                        | 990                                                            | 900          | 90                                     | -                                      |       |         |                                                                                                               | 64.323  | 61.874       | 2.449        | 2.449                                  | -      |         |                                                                |                  | 990     | 900          | 90           | 90            | -       |                                        |               |       |     |  |
| IV           | Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc                                                        | 363.462                                                                                        | 334.504      | 12.331        | 16.627  | 15.405       | -                                      | 1.230                                                          | 59.386       | 52.223                                 | 6.660                                  | 503   | 439     | 64                                                                                                            | -       | 364.146      | 334.504      | 29.642                                 | 12.245 | 17.397  | 11.563                                                         | 3.167            | 2.667   | 57.256       | 46.861       | 10.395        | 9.312   | 1.084                                  | 880           | 64    | 140 |  |
| *            | Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi                                                                                                     | 363.462                                                                                        | 334.504      | 12.331        | 16.627  | 15.405       | -                                      | 1.230                                                          | 59.386       | 52.223                                 | 6.660                                  | 503   | 439     | 64                                                                                                            | -       | 364.146      | 334.504      | 29.642                                 | 12.245 | 17.397  | 11.563                                                         | 3.167            | 2.667   | 57.256       | 46.861       | 10.395        | 9.312   | 1.084                                  | 880           | 64    | 140 |  |
| V            | Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực                                                                                                                                                       | 102.120                                                                                        | 91.518       | 7.378         | 3.224   | 3.224        | -                                      | -                                                              | 26.220       | 22.721                                 | 2.655                                  | 844   | 844     | -                                                                                                             | -       | 102.119      | 91.518       | 10.601                                 | 7.378  | 3.223   | 622                                                            | 360              | 2.241   | 24.006       | 20.156       | 3.849         | 2.655   | 1.194                                  | 1.049         | 146   | -   |  |
| *            | Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số | 102.120                                                                                        | 91.518       | 7.378         | 3.224   | 3.224        | -                                      | -                                                              | 26.220       | 22.721                                 | 2.655                                  | 844   | 844     | -                                                                                                             | -       | 102.119      | 91.518       | 10.601                                 | 7.378  | 3.223   | 622                                                            | 360              | 2.241   | 24.006       | 20.156       | 3.849         | 2.655   | 1.194                                  | 1.049         | 146   | -   |  |
| VI           | Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch                                                                                                           | 21.297                                                                                         | 18.925       | 2.330         | 42      | 42           | -                                      | -                                                              | 18.196       | 17.373                                 | 394                                    | 429   | 429     | -                                                                                                             | -       | 22.007       | 18.925       | 3.082                                  | 2.330  | 752     | 153                                                            | 24               | 575     | 18.276       | 17.376       | 900           | 442     | 457                                    | 66            | 391   | -   |  |
| VII          | Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em                                                                                                    | 8.985                                                                                          | 7.753        | 1.232         | -       |              |                                        | 3.350                                                          | 3.350        | -                                      | -                                      |       |         |                                                                                                               | 8.985   | 7.753        | 1.232        | 1.232                                  | -      |         |                                                                |                  | 3.350   | 3.350        | -            | -             | -       |                                        |               |       |     |  |
| VIII         | Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn                                                                                                                              | 663                                                                                            | 663          | -             | -       |              |                                        | -                                                              | -            | -                                      | -                                      |       |         |                                                                                                               | 663     | 663          | -            | -                                      | -      |         |                                                                |                  | -       | -            | -            | -             | -       |                                        |               |       |     |  |
| *            | Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù                                                                              | 663                                                                                            | 663          | -             | -       |              |                                        | -                                                              | -            | -                                      | -                                      |       |         |                                                                                                               | 663     | 663          | -            | -                                      | -      |         |                                                                |                  | -       | -            | -            | -             | -       |                                        |               |       |     |  |
| IX           | Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình                                                              | 21.086                                                                                         | 19.995       | 812           | 279     | 279          | -                                      | -                                                              | 435          | 435                                    | -                                      | -     | -       | -                                                                                                             | 21.086  | 19.995       | 1.091        | 812                                    | 279    | 279     | -                                                              | -                | 475     | 470          | 5            | -             | 5       | 5                                      | -             | -     |     |  |
| *            | Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi                                                                           | 21.086                                                                                         | 19.995       | 812           | 279     | 279          | -                                      | -                                                              | 435          | 435                                    | -                                      | -     | -       | -                                                                                                             | 21.086  | 19.995       | 1.091        | 812                                    | 279    | 279     | -                                                              | -                | 475     | 470          | 5            | -             | 5       | 5                                      | -             | -     |     |  |
| X            | Chưa phân bổ                                                                                                                                                                                                                  | 43.713                                                                                         | 43.713       | -             | -       |              |                                        | -                                                              | -            | -                                      |                                        |       |         |                                                                                                               | 43.713  | 43.713       | -            | -                                      | -      |         |                                                                |                  | -       | -            | -            | -             | -       |                                        |               |       |     |  |

Phụ lục 3

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THÔNG TIN DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (BAO GỒM KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 VỀ TRƯỚC ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2025) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: Triệu đồng

| TT | Dự án/Tiểu dự án/nội dung thành phần                                                                                                                                                         | Chủ đầu tư/<br>Đầu mối<br>giao kế<br>hoạch | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) được cấp thẩm quyền giao |           |                           |                                                                                        |        |                           |                                                                |       |                           | Nội dung điều chỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                  |                                                | Ghi chú |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------------------|----------------------------------------------------------------|-------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------|---------|
|    |                                                                                                                                                                                              |                                            | Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025                                                                                                                                           |           |                           | Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) |        |                           |                                                                |       |                           | Tên dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Chủ đầu tư/dầu mối giao kế hoạch | Địa bàn                                        |         |
|    |                                                                                                                                                                                              |                                            | Tổng vốn                                                                                                                                                                 | Trong đó: |                           | Kế hoạch vốn năm 2025                                                                  |        |                           | Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025 |       |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                  |                                                |         |
|    |                                                                                                                                                                                              |                                            |                                                                                                                                                                          | NSTW      | NST (Vốn XD CB tập trung) | Tổng vốn                                                                               | NSTW   | NST (Vốn XD CB tập trung) | Tổng vốn                                                       | NSTW  | NST (Vốn XD CB tập trung) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                  |                                                |         |
|    | TỔNG CỘNG                                                                                                                                                                                    |                                            | 59.509                                                                                                                                                                   | 52.908    | 6.601                     | 34.125                                                                                 | 31.170 | 2.955                     | 1.344                                                          | 1.082 | 262                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                  |                                                |         |
| I  | Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt                                                                                                              |                                            | 834                                                                                                                                                                      | 757       | 77                        | -                                                                                      | -      | -                         |                                                                |       |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                  |                                                |         |
| 1  | Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thôn Kon Gur, xã Đắk Blá                                                                                                                                     | UBND xã Ngok Bay                           | 834                                                                                                                                                                      | 757       | 77                        | -                                                                                      |        | -                         |                                                                |       |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | UBND xã Đắk Rơ Wa                | Xã Đắk Rơ Wa                                   |         |
| II | Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị                                               |                                            | 38.929                                                                                                                                                                   | 34.339    | 4.590                     | 28.799                                                                                 | 26.350 | 2.449                     | 990                                                            | 900   | 90                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                  |                                                |         |
| *  | Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi |                                            | 38.929                                                                                                                                                                   | 34.339    | 4.590                     | 28.799                                                                                 | 26.350 | 2.449                     | 990                                                            | 900   | 90                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                  |                                                |         |
| 1  | Huyện Trà Bồng                                                                                                                                                                               | Sở Nông nghiệp và Môi trường               | 38.929                                                                                                                                                                   | 34.339    | 4.590                     | 28.799                                                                                 | 26.350 | 2.449                     | 990                                                            | 900   | 90                        | Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý tại các xã: Tây Trà, Thanh Bồng và xã Tây Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 |                                  | Các xã: Tây Trà, Thanh Bồng và xã Tây Trà Bồng |         |

| TT  | Dự án/Tiểu dự án/nội dung thành phần                                                                                                                                   | Chủ đầu tư/<br>Đầu mỗi<br>giao kế<br>hoạch                   | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) được cấp thẩm quyền giao |           |                           |                                                                                        |       |                           |                                                                |      |                           | Nội dung điều chỉnh                                                   |                                                              |                   | Ghi chú                            |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------------------|----------------------------------------------------------------|------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                        |                                                              | Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025                                                                                                                                           |           |                           | Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) |       |                           |                                                                |      |                           | Tên dự án                                                             | Chủ đầu tư/dầu mỗi giao kế hoạch                             | Địa bàn           |                                    |
|     |                                                                                                                                                                        |                                                              | Tổng vốn                                                                                                                                                                 | Trong đó: |                           | Kế hoạch vốn năm 2025                                                                  |       |                           | Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025 |      |                           |                                                                       |                                                              |                   |                                    |
|     |                                                                                                                                                                        |                                                              |                                                                                                                                                                          | NSTW      | NST (Vốn XD CB tập trung) | Tổng vốn                                                                               | NSTW  | NST (Vốn XD CB tập trung) | Tổng vốn                                                       | NSTW | NST (Vốn XD CB tập trung) |                                                                       |                                                              |                   |                                    |
| III | Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc |                                                              | 13.957                                                                                                                                                                   | 12.223    | 1.734                     | 5.326                                                                                  | 4.820 | 506                       | 206                                                            | 182  | 24                        |                                                                       |                                                              |                   |                                    |
| *   | Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi                                              |                                                              | 13.957                                                                                                                                                                   | 12.223    | 1.734                     | 5.326                                                                                  | 4.820 | 506                       | 206                                                            | 182  | 24                        |                                                                       |                                                              |                   |                                    |
| 1   | Đường đi KSX từ cầu treo Đắk Non đến rẫy A Thái                                                                                                                        | UBND xã Đắk Pék                                              | 2.000                                                                                                                                                                    | 2.000     | -                         | 2.000                                                                                  | 2.000 | -                         | -                                                              |      |                           | Đường đi KSX từ ngã ba rẫy nhà bà Y Bắc đến rẫy ông A Den thôn Đắk Ra |                                                              |                   |                                    |
| 2   | Nâng cấp kênh mương đồng un xã này                                                                                                                                     |                                                              | 575                                                                                                                                                                      | 500       | 75                        | 575                                                                                    | 500   | 75                        |                                                                |      |                           | Nối tiếp kênh mương Đồng Un, thôn Xã Riêng                            |                                                              |                   |                                    |
| 3   | Hệ thống điện 3 pha phục vụ sản xuất từ thôn 2 xã Đắk La đến thôn 5, xã Ngọc Wang                                                                                      | UBND xã Ngọc Réo                                             | 1.026                                                                                                                                                                    | 750       | 276                       | 1.026                                                                                  | 750   | 276                       | -                                                              |      |                           |                                                                       | UBND xã Đắk Hà                                               | Xã Đắk Hà         | Lồng ghép với nguồn vốn của CT NTM |
| 4   | Đường vào xóm Ông Du thôn Đắk Doa                                                                                                                                      | UBND xã Sơn Tây Thượng                                       | 1.617                                                                                                                                                                    | 1.374     | 243                       | -                                                                                      | -     | -                         | -                                                              |      |                           |                                                                       | Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông tỉnh | Xã Sơn Tây Thượng |                                    |
| 5   | Đường BTXM Cà Rá - KDC Ka Xim (Giai đoạn 2)                                                                                                                            | Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông tỉnh | 2.001                                                                                                                                                                    | 1.740     | 261                       | -                                                                                      |       | -                         | -                                                              |      |                           |                                                                       | UBND xã Sơn Tây                                              | Xã Sơn Tây        |                                    |
| 6   | Đường BTXM Nhà văn hóa Ka Xim - Gò Lã (giai đoạn 2)                                                                                                                    | UBND xã Sơn Tây Thượng                                       | 1.501                                                                                                                                                                    | 1.305     | 196                       | -                                                                                      |       | -                         | 7,989                                                          |      | 7,989                     |                                                                       |                                                              |                   |                                    |
| 7   | Nâng cấp Chợ huyện Sơn Tây                                                                                                                                             |                                                              | 1.001                                                                                                                                                                    | 870       | 131                       | -                                                                                      |       | -                         | -                                                              |      |                           |                                                                       |                                                              |                   |                                    |
| 8   | Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đắk Trên                                                                                                                                     |                                                              | 690                                                                                                                                                                      | 600       | 90                        | -                                                                                      |       | -                         | 195,098                                                        | 182  | 13,090                    |                                                                       |                                                              |                   |                                    |



| Phụ lục 4                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                        |                                                                           |                                                                                                                                                                          |              |                                       |          |               |         |              |              |                                                                                        |               |           |         |              |              |                                       |          |                                                                                                                                                                |         |              |               |                                       |          |           |         |                                                                                        |              |                                       |          |           |               |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------|----------|---------------|---------|--------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------|---------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------|---------------|---------------------------------------|----------|-----------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------|----------|-----------|---------------|--------------|--------------|---------------------------------------|--------|--------|---------|---------|----------|----------|--------|--------|-------|-------|---|---|
| ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THÔNG TIN DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (BAO GỒM KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 VỀ TRƯỚC ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2025) |                                                                                                                                                                        |                                                                           |                                                                                                                                                                          |              |                                       |          |               |         |              |              |                                                                                        |               |           |         |              |              |                                       |          |                                                                                                                                                                |         |              |               |                                       |          |           |         |                                                                                        |              |                                       |          |           |               |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
| CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI                                                                                     |                                                                                                                                                                        |                                                                           |                                                                                                                                                                          |              |                                       |          |               |         |              |              |                                                                                        |               |           |         |              |              |                                       |          |                                                                                                                                                                |         |              |               |                                       |          |           |         |                                                                                        |              |                                       |          |           |               |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
| Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                        |                                                                           |                                                                                                                                                                          |              |                                       |          |               |         |              |              |                                                                                        |               |           |         |              |              |                                       |          |                                                                                                                                                                |         |              |               |                                       |          |           |         |                                                                                        |              |                                       |          |           |               |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
| (Kèm theo Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)                                                                                                                  |                                                                                                                                                                        |                                                                           |                                                                                                                                                                          |              |                                       |          |               |         |              |              |                                                                                        |               |           |         |              |              |                                       |          |                                                                                                                                                                |         |              |               |                                       |          |           |         |                                                                                        |              |                                       |          |           |               |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
| ĐVT: Triệu đồng                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                        |                                                                           |                                                                                                                                                                          |              |                                       |          |               |         |              |              |                                                                                        |               |           |         |              |              |                                       |          |                                                                                                                                                                |         |              |               |                                       |          |           |         |                                                                                        |              |                                       |          |           |               |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
| STT                                                                                                                                                                                                       | Dự án/Tiểu dự án/nội dung thành phần                                                                                                                                   | Chỉ tiêu đầu mối giao kế hoạch                                            | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) được cấp thẩm quyền giao |              |                                       |          |               |         |              |              |                                                                                        |               |           |         |              |              |                                       |          | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh |         |              |               |                                       |          |           |         |                                                                                        |              |                                       |          |           |               |              | Ghi chú      |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
|                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                        |                                                                           | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025                                                                                                                       |              |                                       |          |               |         |              |              | Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) |               |           |         |              |              |                                       |          | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025                                                                                                             |         |              |               |                                       |          |           |         | Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) |              |                                       |          |           |               |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
|                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                        |                                                                           |                                                                                                                                                                          |              |                                       |          |               |         |              |              |                                                                                        |               |           |         |              |              |                                       |          |                                                                                                                                                                |         |              |               |                                       |          |           |         |                                                                                        |              |                                       |          |           |               |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
|                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                        |                                                                           | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025                                                                                                                       |              |                                       |          |               |         |              |              | Kế hoạch vốn năm 2025                                                                  |               |           |         |              |              |                                       |          | Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025                                                                                                 |         |              |               |                                       |          |           |         | Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025                         |              |                                       |          |           |               |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
|                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                        |                                                                           |                                                                                                                                                                          |              |                                       |          |               |         |              |              |                                                                                        |               |           |         |              |              |                                       |          |                                                                                                                                                                |         |              |               |                                       |          |           |         |                                                                                        |              |                                       |          |           |               |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
|                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                        |                                                                           | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025                                                                                                                       |              |                                       |          |               |         |              |              | Kế hoạch vốn năm 2025                                                                  |               |           |         |              |              |                                       |          | Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025                                                                                                 |         |              |               |                                       |          |           |         | Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025                         |              |                                       |          |           |               |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
|                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                        |                                                                           |                                                                                                                                                                          |              |                                       |          |               |         |              |              |                                                                                        |               |           |         |              |              |                                       |          |                                                                                                                                                                |         |              |               |                                       |          |           |         |                                                                                        |              |                                       |          |           |               |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
| Tổng vốn                                                                                                                                                                                                  | Trong đó:                                                                                                                                                              |                                                                           |                                                                                                                                                                          |              |                                       | Tổng vốn | Trong đó:     |         |              |              |                                                                                        | Tổng vốn      | Trong đó: |         |              |              |                                       | Tổng vốn | Trong đó:                                                                                                                                                      |         |              |               |                                       | Tổng vốn | Trong đó: |         |                                                                                        |              |                                       | Tổng vốn | Trong đó: |               |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
| NSTW                                                                                                                                                                                                      | NST                                                                                                                                                                    | NSDP bao gồm:                                                             |                                                                                                                                                                          |              | NSTW                                  | NST      | NSDP bao gồm: |         |              | NSTW         | NST                                                                                    | NSDP bao gồm: |           |         | NSTW         | NST          | NSDP bao gồm:                         |          |                                                                                                                                                                | NSTW    | NST          | NSDP bao gồm: |                                       |          | NSTW      | NST     | NSDP bao gồm:                                                                          |              |                                       | NSTW     | NST       | NSDP bao gồm: |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
|                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                        | Tổng số                                                                   | Vốn phân cấp                                                                                                                                                             | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |          |               | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...)                                                  |               |           | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |          |                                                                                                                                                                | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD  | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |          |           | Tổng số | Vốn phân cấp                                                                           | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |          |           | Tổng số       | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
|                                                                                                                                                                                                           | TỔNG CỘNG                                                                                                                                                              |                                                                           | 290.992                                                                                                                                                                  | 248.367      | 24.843                                | 17.781   | 17.781        | 0       | 0            | 63.437       | 47.405                                                                                 | 4.271         | 11.760    | 11.760  | 0            | 0            | 23.581                                | 20.036   | 3.038                                                                                                                                                          | 1.173   | 1.173        | 0             | 0                                     | 286.494  | 245.702   | 40.792  | 23.622                                                                                 | 17.170       | 17.170                                | 0        | 0         | 60.865        | 45.605       | 15.260       | 3.166                                 | 12.094 | 12.094 | 0       | 0       | 24.226   | 19.370   | 4.856  | 3.033  | 1.823 | 1.823 | 0 | 0 |
| I                                                                                                                                                                                                         | Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết                                                                                              |                                                                           | 84.976                                                                                                                                                                   | 68.910       | 6.870                                 | 9.196    | 9.196         | 0       | 0            | 30.852       | 21.458                                                                                 | 2.225         | 7.169     | 7.169   | 0            | 0            | 17.578                                | 16.017   | 1.802                                                                                                                                                          | 425     | 425          | 0             | 0                                     | 83.560   | 68.910    | 14.650  | 5.926                                                                                  | 8.724        | 8.724                                 | 0        | 0         | 30.119        | 21.458       | 8.661        | 1.281                                 | 7.380  | 7.380  | 0       | 0       | 17.578   | 15.351   | 2.227  | 1.802  | 425   | 425   | 0 | 0 |
| 1                                                                                                                                                                                                         | Khu tái định cư tổ 1, tổ 3 thôn Sơn, xã Sơn Trà, huyện Trà Bồng                                                                                                        | Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh | 14.200                                                                                                                                                                   | 9.860        | 963                                   | 3.377    | 3.377         | -       | -            | 9.190        | 5.307                                                                                  | 507           | 3.376     | 3376    | -            | -            | 920,00                                | 847,00   | 73,00                                                                                                                                                          | -       | -            | -             | -                                     | 14.200   | 9.860     | 4.340   | 963                                                                                    | 3.377        | 3.377                                 | -        | -         | 9.190         | 5.307        | 3.883        | 507                                   | 3.376  | 3.376  | -       | -       | 463      | 389,81   | 73     | 73,00  | -     | -     | - |   |
| 2                                                                                                                                                                                                         | Khu tái định cư tổ 3, thôn Tây, xã Trà Tây, huyện Trà Bồng                                                                                                             |                                                                           | 13.400                                                                                                                                                                   | 9.158        | 916                                   | 3.326    | 3.326         | -       | -            | 6.067        | 2.492                                                                                  | 250           | 3.325     | 3325    |              |              | 574,87                                | 389,81   | 185,06                                                                                                                                                         | -       | -            | -             | -                                     | 13.400   | 9.158     | 4.242   | 916                                                                                    | 3.326        | 3.326                                 |          |           | 6.067         | 2.492        | 3.575        | 250                                   | 3.325  | 3.325  | -       | -       | 1.032    | 847,00   | 185    | 185,06 | -     | -     | - |   |
| 3                                                                                                                                                                                                         | Khu tái định cư Xã Rừng                                                                                                                                                |                                                                           | 14.990                                                                                                                                                                   | 13.035       | 1.304                                 | 651      | 651           |         |              |              |                                                                                        |               |           |         |              |              | 7.383,02                              | 6.259,75 | 772,00                                                                                                                                                         | 351     | 351          |               |                                       | 14.990   | 13.035    | 1.955   | 1.304                                                                                  | 651          | 651                                   |          |           | 0             |              | 0            |                                       |        |        | 7.383   | 6.259,7 | 1.123    | 772,00   | 351    | 351,3  |       |       |   |   |
| 4                                                                                                                                                                                                         | Dự án xây dựng khu tái định cư Gò Rem, thôn Làng Rẻ, xã Sơn Giang                                                                                                      |                                                                           | 14.990                                                                                                                                                                   | 13.035       | 1.304                                 | 651      | 651           |         |              |              |                                                                                        |               |           |         |              |              | 4.149,34                              | 3.406,47 | 669,40                                                                                                                                                         | 73,5    | 73,5         |               |                                       | 14.990   | 13.035    | 1.955   | 1.304                                                                                  | 651          | 651                                   |          |           | 0             |              | 0            |                                       |        |        | 4.149,3 | 3.406,5 | 743      | 669,40   | 73     | 73,47  |       |       |   |   |
| 5                                                                                                                                                                                                         | Khu tái định cư tập trung tại thôn Trà Nô, xã Ba Tỏ                                                                                                                    | Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh | 11.689                                                                                                                                                                   | 10.163       | 1.017                                 | 509      | 509           | -       | -            | 570          | -                                                                                      | 102           | 468       | 468     |              |              | 4.551                                 | 4.447,91 | 103,00                                                                                                                                                         | -       | -            | -             | -                                     | 11.689   | 10.163    | 1.526   | 1.017                                                                                  | 509          | 509                                   |          |           | 570           | -            | 570          | 102                                   | 468    | 468    | -       | -       | 4.550,9  | 4.447,9  | 103    | 103,00 | -     | -     | - | - |
| 6                                                                                                                                                                                                         | Dự án Khu dân cư Hồ Râm, thôn Kỳ Hát, xã Long Mai                                                                                                                      |                                                                           | 4.858                                                                                                                                                                    | 4.225        | 422                                   | 211      | 211           | -       | -            | 4.647        | 4.225                                                                                  | 422           | -         | 0       |              |              | -                                     | -        | -                                                                                                                                                              | -       | -            | -             | -                                     | 4.858    | 4.225     | 633     | 422                                                                                    | 211          | 211                                   |          |           | 4.858         | 4.225        | 633          | 422                                   | 211    | 211    | -       | -       | -        | -        | -      | -      | -     | -     |   |   |
| 7                                                                                                                                                                                                         | Khu tái định cư tập trung Tổ Đèo Ai, thôn Nước Dâng, xã Ba Trạng                                                                                                       | Công nghiệp tỉnh                                                          | 10.850                                                                                                                                                                   | 9.434        | 944                                   | 472      | 472           |         |              |              |                                                                                        |               |           |         |              |              | 666                                   |          |                                                                                                                                                                |         |              |               |                                       | 9.434    | 9.434     | 0       |                                                                                        |              |                                       |          |           |               |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
| 8                                                                                                                                                                                                         | Vốn không còn nhu cầu sử dụng                                                                                                                                          |                                                                           |                                                                                                                                                                          |              |                                       |          |               |         |              | 10.378       | 9.434                                                                                  | 944           |           |         |              |              |                                       |          |                                                                                                                                                                |         |              |               |                                       |          |           |         |                                                                                        |              |                                       |          |           | 9.434         | 9.434        |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
| II                                                                                                                                                                                                        | Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc |                                                                           | 132.143                                                                                                                                                                  | 114.960      | 11.542                                | 5.640    | 5.640         | 0       | 0            | 16.564       | 11.537                                                                                 | 1.066         | 3.960     | 3.960   | 0            | 0            | 3.468                                 | 2.463    | 955                                                                                                                                                            | 50      | 50           | 0             | 0                                     | 129.061  | 112.295   | 16.766  | 11.265                                                                                 | 5.501        | 5.501                                 | 0        | 0         | 14.603        | 9.737        | 4.866        | 894                                   | 3.972  | 3.972  | 0       | 0       | 3.763    | 2.463    | 1.300  | 955    | 345   | 345   | 0 | 0 |
|                                                                                                                                                                                                           | Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN                                                                |                                                                           | 132.143                                                                                                                                                                  | 114.960      | 11.542                                | 5.640    | 5.640         | 0       | 0            | 16.564       | 11.537                                                                                 | 1.066         | 3.960     | 3.960   | 0            | 0            | 3.468                                 | 2.463    | 955                                                                                                                                                            | 50      | 50           | 0             | 0                                     | 129.061  | 112.295   | 16.766  | 11.265                                                                                 | 5.501        | 5.501                                 | 0        | 0         | 14.603        | 9.737        | 4.866        | 894                                   | 3.972  | 3.972  | 0       | 0       | 3.763    | 2.463    | 1.300  | 955    | 345   | 345   | 0 | 0 |
| 1                                                                                                                                                                                                         | Nâng cấp mở rộng, nâng cấp đường di Khu sản xuất Đăk Lang                                                                                                              | Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông tỉnh              | 2.941                                                                                                                                                                    | 2.500        | 294                                   | 147      | 147           | -       | -            | -            | -                                                                                      | -             | -         | -       | -            | -            | 0,00                                  | -        | -                                                                                                                                                              | -       | -            | -             | -                                     | 2.941    | 2.500     | 441     | 294                                                                                    | 147          | 147                                   | -        | -         | 0             |              | 0            | -                                     | 0      | -      | -       | -       | 70,14    | 70,14    | 70,14  | 70,141 | -     | -     |   |   |
| 2                                                                                                                                                                                                         | Đường BTXM Cà Rà - KĐC Ka Xim (Giai đoạn 2)                                                                                                                            |                                                                           | 2.001                                                                                                                                                                    | 1.740        | 174                                   | 87       | 87            |         |              |              |                                                                                        |               |           |         |              |              |                                       |          |                                                                                                                                                                |         |              |               |                                       |          |           |         |                                                                                        |              |                                       |          |           |               |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
| 3                                                                                                                                                                                                         | Mở rộng, nâng cấp Nhà văn hóa Huy Mãng                                                                                                                                 |                                                                           | 2.001                                                                                                                                                                    | 1.740        | 174                                   | 87       | 87            | -       | -            | -            | -                                                                                      | -             | -         | -       | -            | -            | 50,00                                 | -        | -                                                                                                                                                              | 50      | 50           | -             | -                                     | 2.001    | 1.740     | 261     | 174                                                                                    | 87           | 87                                    |          |           | 0             |              | 0            |                                       |        |        | 50      |         | 50       |          | 50     | 50     |       |       |   |   |
| 4                                                                                                                                                                                                         | Hệ thống điện số 1, tổ 6, thôn Núi                                                                                                                                     |                                                                           | 1.150                                                                                                                                                                    | 1.000        | 100                                   | 50       | 50            | -       | -            | 50           | -                                                                                      | 50            | 50        | -       | -            | -            | -                                     | -        | -                                                                                                                                                              | -       | -            | -             | -                                     | 1.150    | 1.000     | 150     | 100                                                                                    | 50           | 50                                    | -        | -         | 50            |              | 50           |                                       | 50     | 50     | -       | -       | -        | -        | 0,00   | -      | -     |       |   |   |
| 5                                                                                                                                                                                                         | Đường điện từ nhà Ông Sang di Trà Bôi                                                                                                                                  |                                                                           | 1.553                                                                                                                                                                    | 1.350        | 135                                   | 68       | 68            | -       | -            | 59           | -                                                                                      | 59            | 59        | -       | -            | 254,81       | 189,81                                | 65,00    | -                                                                                                                                                              |         |              |               | 1.553                                 | 1.350    | 203       | 135     | 68                                                                                     | 68           | -                                     | -        | 59        |               | 59           |              | 59                                    | 59     | -      | -       | 255     | 189,81   | 65       | 65,00  | -      | -     | -     | - |   |
| 6                                                                                                                                                                                                         | Kéo đường dây điện tại các khu dân cư                                                                                                                                  |                                                                           | 2.214                                                                                                                                                                    | 1.925        | 193                                   | 96       | 96            | -       | -            | 96           | -                                                                                      | 96            | 96        | -       | -            | 430,88       | 320,88                                | 110,00   | -                                                                                                                                                              |         |              |               | 2.214                                 | 1.925    | 289       | 193     | 96                                                                                     | 96           | -                                     | -        | 96        |               | 96           |              | 96                                    | 96     | -      | -       | 431     | 320,88   | 110      | 110,00 | -      | -     | -     | - |   |
| 7                                                                                                                                                                                                         | Nâng cấp, sửa chữa Trường mẫu giáo xã Sơn Hải                                                                                                                          |                                                                           | 1.641                                                                                                                                                                    | 1.431        | 126                                   | 84       | 84            | -       | -            | 542          | 431                                                                                    | 26            | 84        | 84      | -            | -            | -                                     | -        | -                                                                                                                                                              | -       | -            | -             | -                                     | 1.641    | 1.431     | 210     | 126                                                                                    | 84           | 84                                    | -        | -         | 542           | 431          | 110          | 26                                    | 84     | 84     | -       | -       | -        | 0,00     | -      | -      | 0,00  | -     | - |   |
| 8                                                                                                                                                                                                         | Đường KĐC Nước Nấm di Nước Ngải                                                                                                                                        |                                                                           | 2.201                                                                                                                                                                    | 1.914        | 191                                   | 96       | 96            |         |              | 1.980        | 1.800                                                                                  | 180           |           |         |              |              |                                       |          |                                                                                                                                                                |         |              |               |                                       |          |           |         |                                                                                        |              |                                       |          |           |               |              |              |                                       |        |        |         |         |          |          |        |        |       |       |   |   |
| 9                                                                                                                                                                                                         | Đường vào xóm Ông Du thôn Đăk Đoa                                                                                                                                      |                                                                           |                                                                                                                                                                          |              |                                       |          |               |         |              |              |                                                                                        |               |           |         |              |              | 1.617                                 | 1.374    | 243                                                                                                                                                            | 162     | 81           | 81            | -                                     |          |           |         |                                                                                        | 0            |                                       | 0        |           | 0             |              |              |                                       | -      |        | -       |         | -        |          |        |        |       |       |   |   |
| 10                                                                                                                                                                                                        | Cầu BTCT tuyến đường UBND xã di ngã 3 Nước Già                                                                                                                         | Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh | 7.284                                                                                                                                                                    | 6.337        | 634                                   | 313      | 313           | -       | -            | 599          | 260                                                                                    | 26            | 313       | 313     | -            | -            | -                                     | -        | -                                                                                                                                                              | -       | -            | -             | -                                     | 7.284    | 6.337     | 947     | 634                                                                                    | 313          | 313                                   | -        | -         | 599           | 260          | 339          | 26                                    | 313    | 313    | -       | -       | -        | 0,00     | -      | -      | 0,00  | -     | - |   |
| 11                                                                                                                                                                                                        | Cầu BTCT tuyến đường UBND xã di Gò Lút                                                                                                                                 |                                                                           | 9.831                                                                                                                                                                    | 8.556        | 856                                   | 419      | 419           | -       | -            | 419          | 0                                                                                      | 0             | 419       | 419     | -            | -            | 169,16                                | 164,16   | 5,00                                                                                                                                                           | -       | -            | -             | -                                     | 9.831    | 8.556     | 1.275   | 856                                                                                    | 419          | 419                                   | -        | -         | 419           |              | 419          |                                       | 419    | 419    | -       | -       | 169,16   | 164,16   | 5      | 5,00   | -     | -     | - | - |
| 12                                                                                                                                                                                                        | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thị trấn Ba Tơ - Ba Đình                                                                                                                 | Công nghiệp tỉnh                                                          | 6.299                                                                                                                                                                    | 5.527        | 553                                   | 219      | 219           | -       | -            | 2.634        | 2.303                                                                                  | 112           | 219       | 219     | -            | -            | 1.591,71                              | 1.150,71 | 441,00                                                                                                                                                         | -       | -            | -             | -                                     | 6.299    | 5.527     | 772     | 553                                                                                    | 219          | 219                                   | -        | -         | 2.634         | 2.303        | 331          | 112                                   | 219    | 219    | -       | -       | 1.591,71 | 1.150,71 | 441    | 441,00 | -     | -     | - | - |
| 13                                                                                                                                                                                                        | Đường BTXM thôn Bùi Hải (thôn nguyên Bùi Hải)                                                                                                                          |                                                                           | 9.596                                                                                                                                                                    | 8.352        | 836                                   | 408      | 408           | -       | -            | 434          | 23                                                                                     | 3             | 408       | 408     | -            | -            | -                                     | -        | -                                                                                                                                                              | -       | -            | -             | -                                     | 9.596    | 8.352     | 1.244   | 836                                                                                    | 408          | 408                                   | -        | -         | 434           | 23           | 411          | 3                                     | 408    | 408    | -       | -       | -        | 0,00     | -      | -      | 0,00  | -     | - |   |
| 14                                                                                                                                                                                                        | Nâng cấp tuyến đường UBND xã di Nước Giép                                                                                                                              |                                                                           | 9.727                                                                                                                                                                    | 8.468        | 838                                   | 421      | 421           | -       | -            | 421          | -                                                                                      | 421           | 421       | -       | -            | -            | -                                     | -        | -                                                                                                                                                              | -       | -            | -             | -                                     | 9.727    | 8.468     | 1.259   | 838                                                                                    | 421          | 421                                   | -        | -         | 421           |              | 421          |                                       | 421    | 421    | -       | -       | -        | 0,00     | -      | -      | 0,00  | -     | - |   |
| 15                                                                                                                                                                                                        | Trường THPTCS Ba Trạng, hạng mục: 04 phòng học                                                                                                                         |                                                                           | 2.397                                                                                                                                                                    | 2.085        | 209                                   | 103      | 103           | -       | -            | -            | -                                                                                      | -             | -         | -       | -            | -            | 0,000                                 | -        | -                                                                                                                                                              | -       | -            | -             | -                                     | 2.397    | 2.085     | 312     | 209                                                                                    | 103          | 103                                   | -        | -         | 0             | -            | 0            | -                                     | 0      | -      | -       | -       | 0,615    | 0,615    | 0,615  | 0,615  | -     | -     | - | - |



|          |                                                                                                                     |                                                                           | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |              |              |                                        |          |      |     |         | Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) |              |                                        |          |      |     |         |              | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |                                        |          |      |     |         |              |              | Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) |          |      |     |         |              |              |                                        |       |     |     |        |        |    |     |        |       |       |        |        |        |   |   |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------|--------------|----------------------------------------|----------|------|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------|----------|------|-----|---------|--------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------|----------|------|-----|---------|--------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------|------|-----|---------|--------------|--------------|----------------------------------------|-------|-----|-----|--------|--------|----|-----|--------|-------|-------|--------|--------|--------|---|---|
|          |                                                                                                                     |                                                                           | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |              |              |                                        |          |      |     |         | Kế hoạch vốn năm 2025                                                                  |              |                                        |          |      |     |         |              | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |                                        |          |      |     |         |              |              | Kế hoạch vốn năm 2025                                                                  |          |      |     |         |              |              |                                        |       |     |     |        |        |    |     |        |       |       |        |        |        |   |   |
|          |                                                                                                                     |                                                                           | Trong đó:                                          |              |              |                                        |          |      |     |         | Trong đó:                                                                              |              |                                        |          |      |     |         |              | Trong đó:                                          |                                        |          |      |     |         |              |              | Trong đó:                                                                              |          |      |     |         |              |              |                                        |       |     |     |        |        |    |     |        |       |       |        |        |        |   |   |
|          |                                                                                                                     |                                                                           | NSDP bao gồm:                                      |              |              |                                        |          |      |     |         | NSDP bao gồm:                                                                          |              |                                        |          |      |     |         |              | NSDP bao gồm:                                      |                                        |          |      |     |         |              |              | NSDP bao gồm:                                                                          |          |      |     |         |              |              |                                        |       |     |     |        |        |    |     |        |       |       |        |        |        |   |   |
|          |                                                                                                                     |                                                                           | NSH                                                |              |              |                                        |          |      |     |         | NSH                                                                                    |              |                                        |          |      |     |         |              | NSH                                                |                                        |          |      |     |         |              |              | NSH                                                                                    |          |      |     |         |              |              |                                        |       |     |     |        |        |    |     |        |       |       |        |        |        |   |   |
|          |                                                                                                                     |                                                                           | Trong đó:                                          |              |              |                                        |          |      |     |         | Trong đó:                                                                              |              |                                        |          |      |     |         |              | Trong đó:                                          |                                        |          |      |     |         |              |              | Trong đó:                                                                              |          |      |     |         |              |              |                                        |       |     |     |        |        |    |     |        |       |       |        |        |        |   |   |
| Tổng vốn | NSTW                                                                                                                | NST                                                                       | Tổng số                                            | Vấn phân cấp | Thu tiền SDD | Vấn khác (tăng thu, tiết kiệm chi,...) | Tổng vốn | NSTW | NST | Tổng số | Vấn phân cấp                                                                           | Thu tiền SDD | Vấn khác (tăng thu, tiết kiệm chi,...) | Tổng vốn | NSTW | NST | Tổng số | Vấn phân cấp | Thu tiền SDD                                       | Vấn khác (tăng thu, tiết kiệm chi,...) | Tổng vốn | NSTW | NST | Tổng số | Vấn phân cấp | Thu tiền SDD | Vấn khác (tăng thu, tiết kiệm chi,...)                                                 | Tổng vốn | NSTW | NST | Tổng số | Vấn phân cấp | Thu tiền SDD | Vấn khác (tăng thu, tiết kiệm chi,...) |       |     |     |        |        |    |     |        |       |       |        |        |        |   |   |
| 7        | Trường TH và THCS Trà Tân                                                                                           |                                                                           | 6.095                                              | 5.300        | 530          | 265                                    | 265      | -    | -   | -       | 17                                                                                     | -            | -                                      | -        | 17   | 17  | -       | -            | 0,00                                               | -                                      | -        | 0,00 | -   | -       | -            | 6.095        | 5.300                                                                                  | 795      | 530  | 265 | 265     | -            | -            | -                                      | 17    |     |     | 17     |        | 17 | 17  | -      | -     | -     | -      | -      | -      |   |   |
| 8        | Trường Tiểu học Trà Phong                                                                                           |                                                                           | 4.662                                              | 4.054        | 405          | 203                                    | 203      | -    | -   | -       | 4.609                                                                                  | 4.054        | 405                                    | 150      | 150  | -   | -       | 0,00         | -                                                  | -                                      | 0,00     | -    | -   | -       | 4.662        | 4.054        | 608                                                                                    | 405      | 203  | 203 | -       | -            | -            | 4.609                                  | 4.054 | 555 | 405 | 150    | 150    | -  | -   | -      | -     | -     | -      | -      |        |   |   |
| 9        | Trường PTDTBT Tiểu học Trà Tây                                                                                      |                                                                           | 3.220                                              | 2.800        | 280          | 140                                    | 140      | -    | -   | -       | 1.217                                                                                  | 1.160        | 15                                     | 42       | 42   | -   | -       | 0,00         | -                                                  | -                                      | 0,00     | -    | -   | -       | 3.220        | 2.800        | 420                                                                                    | 280      | 140  | 140 | -       | -            | -            | 1.217                                  | 1.160 | 57  | 15  | 42     | 42     | -  | -   | -      | -     | -     | -      | -      |        |   |   |
| 10       | Trường PTDT nổi trứ THCS Ba To; hạng mục: Phòng học tập và các công trình phụ trợ                                   | Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh | 6.023                                              | 5.240        | 524          | 259                                    | 259      | -    | -   | -       | 23                                                                                     | -            | -                                      | 23       | 23   | -   | -       | 33,94        | 0,00                                               | 33,94                                  | 0,00     | -    | -   | -       | 6.023        | 5.240        | 783                                                                                    | 524      | 259  | 259 | -       | -            | -            | 23                                     | 0     | 23  | 23  | 23     | -      | -  | 270 | -      | 270   | 33,94 | 236    | 235,80 |        |   |   |
| 11       | Trường PTDT bán trú TH&THCS Ba Trang; hạng mục: Phòng học tập và các công trình phụ trợ                             | Dân dụng và Công nghiệp tỉnh                                              | 7.123                                              | 6.088        | 735          | 300                                    | 300      | -    | -   | -       | 26                                                                                     | -            | -                                      | 26       | 26   | -   | -       | 91,94        | 91,94                                              | 0,00                                   | 0,00     | -    | -   | -       | 7.123        | 6.088        | 1.035                                                                                  | 735      | 300  | 300 | -       | -            | -            | 26                                     | -     | 26  |     | 26     | 26     | 26 | -   | -      | 206   | 91,94 | 114    | 114    | 114,24 | - | - |
| 12       | Trường PTDT bán trú THCS Ba Xa; hạng mục: Phòng học tập và các công trình phụ trợ                                   |                                                                           | 4.313                                              | 3.802        | 314          | 197                                    | 197      | -    | -   | -       | 2.860                                                                                  | 2.663        | 0                                      | 197      | 197  | -   | -       | 236,54       | 0,00                                               | 236,54                                 | -        | -    | -   | 4.313   | 3.802        | 511          | 314                                                                                    | 197      | 197  | -   | -       | -            | 2.860        | 2.663                                  | 197   |     | 197 | 197    | 197    | -  | -   | 237    |       | 237   | 236,54 | -      | -      | - |   |
| 13       | Trường THCS Dân tộc Nội Trú huyện Minh Long                                                                         |                                                                           | 8.857                                              | 7.702        | 770          | 385                                    | 385      | -    | -   | -       | 2.627                                                                                  | 2.442        | 47                                     | 138      | 138  | -   | -       | 572,19       | 572,19                                             |                                        | -        | -    | -   | 8.857   | 7.702        | 1.155        | 770                                                                                    | 385      | 385  | -   | -       | -            | 2.627        | 2.442                                  | 185   | 47  | 138 | 138    | -      | -  | 572 | 572,19 | -     | -     | 0,00   | -      | -      |   |   |
| 14       | Xây dựng 02 phòng công vụ cho giáo viên trường PTDTNT THCS Minh Long ( Khu B)                                       |                                                                           | 412                                                | 357          | 37           | 18                                     | 18       | -    | -   | -       | 412                                                                                    | 357          | 37                                     | 18       | 18   | -   | -       | -            | -                                                  | -                                      | -        | -    | -   | -       | 412          | 357          | 55                                                                                     | 37       | 18   | 18  | -       | -            | -            | 412                                    | 357   | 55  | 37  | 18     | 18     | -  | -   | -      | -     | -     | -      | -      |        |   |   |
| IV       | Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch |                                                                           | 3.577                                              | 3.109        | 311          | 157                                    | 157      | 0    | 0   | -       | 556                                                                                    | 495          | 52                                     | 9        | 9    | 0   | 0       | 75           | 65                                                 | 10                                     | 0        | 0    | 0   | 3.577   | 3.109        | 468          | 311                                                                                    | 157      | 157  | 0   | 0       | 0            | 667          | 495                                    | 172   | 52  | 120 | 120    | 0      | 0  | 75  | 65     | 10    | 5     | 5      | 5      | 0      | 0 |   |
| 1        | Cải tạo và mua sắm trang thiết bị Nhà sinh hoạt công đồng thôn Trà Huyên, xã Hương Trà                              | Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh | 607                                                | 527          | 53           | 27                                     | 27       | -    | -   | -       | 195                                                                                    | 167          | 19                                     | 9        | 9    | -   | -       | 70,00        | 65,00                                              | 5,00                                   | 0,00     | -    | -   | -       | 607          | 527          | 80                                                                                     | 53       | 27   | 27  | -       | -            | -            | 195                                    | 167   | 28  | 19  | 9      | 9      | -  | -   | 70     | 65,00 | 5     | 5,00   | -      | -      | - |   |
| 2        | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao tại các thôn thuộc vùng DBDDTS huyện Ba To                        | Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh | 2.970                                              | 2.582        | 258          | 130                                    | 130      | -    | -   | -       | 361                                                                                    | 328          | 33                                     | -        | -    | -   | -       | 4,67         | -                                                  | 4,67                                   | 0,00     | -    | -   | -       | 2.970        | 2.582        | 388                                                                                    | 258      | 130  | 130 | -       | -            | -            | 471,65                                 | 328   | 144 | 33  | 110,65 | 110,65 | -  | -   | 5      | -     | 5     |        | 5      | 4,67   | - | - |

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THÔNG TIN DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (BAO GỒM KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 VỀ TRƯỚC ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2025)**

(Kèm theo Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

*DVT: Triệu đồng*

| STT      | Dự án/Tiểu dự án/Ứng dụng thanh phần | Chức năng/Đơn vị quản lý dự án | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (thao gồm vốn năm 2024 và trước kết dư sang năm 2025) được cấp thẩm quyền giao |          |          |              |              |                                       |          |          |          |              |                                                                                      |                                       |          |          |               |              |              |                                       | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (thao gồm vốn năm 2024 và trước kết dư sang năm 2025) sau điều chỉnh |          |          |              |              |                                       |          |          |          |              |                                                                                      |                                       |          |          |          |              |              |                                       | Ghi chú  |          |              |              |                                       |          |              |              |                                       |          |              |              |                                       |          |              |              |                                       |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |
|----------|--------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|----------|----------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------|----------|---------------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|----------|----------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------|----------|----------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|----------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
|          |                                      |                                | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025                                                                                                                       |          |          |              |              |                                       |          |          |          |              | Kế hoạch vốn năm 2025 (thao gồm vốn kế dư từ năm 2024 và trước kết dư sang năm 2025) |                                       |          |          |               |              |              |                                       | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025                                                                                                             |          |          |              |              |                                       |          |          |          |              | Kế hoạch vốn năm 2025 (thao gồm vốn kế dư từ năm 2024 và trước kết dư sang năm 2025) |                                       |          |          |          |              |              |                                       |          |          |              |              |                                       |          |              |              |                                       |          |              |              |                                       |          |              |              |                                       |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |
|          |                                      |                                | Trung địa phương                                                                                                                                                         |          |          |              |              | NSDP bao gồm:                         |          |          |          |              | NSDP bao gồm:                                                                        |                                       |          |          | NSDP bao gồm: |              |              |                                       | Trung địa phương                                                                                                                                               |          |          |              |              | NSDP bao gồm:                         |          |          |          |              | NSDP bao gồm:                                                                        |                                       |          |          |          |              |              |                                       |          |          |              |              |                                       |          |              |              |                                       |          |              |              |                                       |          |              |              |                                       |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |
|          |                                      |                                | NSTW                                                                                                                                                                     | NST      | Tổng số  | Vốn phân cấp | Thư tiên SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | NSTW     | NST      | Tổng số  | Vốn phân cấp | Thư tiên SDD                                                                         | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | NSTW     | NST      | Tổng số       | Vốn phân cấp | Thư tiên SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | NSTW                                                                                                                                                           | NST      | Tổng số  | Vốn phân cấp | Thư tiên SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | NSTW     | NST      | Tổng số  | Vốn phân cấp | Thư tiên SDD                                                                         | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | NSTW     | NST      | Tổng số  | Vốn phân cấp | Thư tiên SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |          |          |              |              |                                       |          |              |              |                                       |          |              |              |                                       |          |              |              |                                       |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |
|          |                                      |                                |                                                                                                                                                                          |          |          |              |              |                                       |          |          |          |              |                                                                                      |                                       |          |          |               |              |              |                                       |                                                                                                                                                                |          |          |              |              |                                       |          |          |          |              |                                                                                      |                                       |          |          |          |              |              |                                       |          | Tổng số  | Vốn phân cấp | Thư tiên SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng số  | Vốn phân cấp | Thư tiên SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng số  | Vốn phân cấp | Thư tiên SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng số  | Vốn phân cấp | Thư tiên SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |
| Tổng vốn | Tổng vốn                             | Tổng vốn                       | Tổng vốn                                                                                                                                                                 | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn     | Tổng vốn     | Tổng vốn                              | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn     | Tổng vốn                                                                             | Tổng vốn                              | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn      | Tổng vốn     | Tổng vốn     | Tổng vốn                              | Tổng vốn                                                                                                                                                       | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn     | Tổng vốn     | Tổng vốn                              | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn     | Tổng vốn                                                                             | Tổng vốn                              | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn     | Tổng vốn     | Tổng vốn                              | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn     | Tổng vốn     | Tổng vốn                              | Tổng vốn | Tổng vốn     | Tổng vốn     | Tổng vốn                              | Tổng vốn | Tổng vốn     | Tổng vốn     | Tổng vốn                              | Tổng vốn | Tổng vốn     | Tổng vốn     | Tổng vốn                              | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn | Tổng vốn |

|    |                                                                                                                                                                         |                      | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |               |         |               |              |                                       |                                       |               |       |               |              | Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kế dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) |                                       |               |          |               |              |              |                                       |                                       |          |               | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |              |                                       |               |                                       |               |              |              |                                       |               |              |                                       |              | Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kế dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) |                                       |               |              |               |                                       |              |                                       |          |     |        |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------|---------|---------------|--------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------|-------|---------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------|----------|---------------|--------------|--------------|---------------------------------------|---------------------------------------|----------|---------------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------|---------------|---------------------------------------|---------------|--------------|--------------|---------------------------------------|---------------|--------------|---------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------|--------------|---------------|---------------------------------------|--------------|---------------------------------------|----------|-----|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
|    |                                                                                                                                                                         |                      | Kế hoạch vốn năm 2025                              |               |         |               |              |                                       |                                       |               |       |               |              | Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025                        |                                       |               |          |               |              |              |                                       |                                       |          |               | Kế hoạch vốn năm 2025                              |              |                                       |               |                                       |               |              |              |                                       |               |              |                                       |              | Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025                        |                                       |               |              |               |                                       |              |                                       |          |     |        |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|    |                                                                                                                                                                         |                      | Tổng vốn                                           | Trung đó:     |         |               |              |                                       | Tổng vốn                              | Trung đó:     |       |               |              | Tổng vốn                                                                              | Trung đó:                             |               |          |               | Tổng vốn     | Trung đó:    |                                       |                                       |          | Tổng vốn      | Trung đó:                                          |              |                                       |               | Tổng vốn                              | Trung đó:     |              |              |                                       | Tổng vốn      | Trung đó:    |                                       |              |                                                                                       | Tổng vốn                              | Trung đó:     |              |               |                                       | Tổng vốn     | Trung đó:                             |          |     |        |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|    |                                                                                                                                                                         |                      |                                                    | NSDP bao gồm: |         |               |              |                                       |                                       | NSDP bao gồm: |       |               |              |                                                                                       |                                       | NSDP bao gồm: |          |               |              |              |                                       | NSDP bao gồm:                         |          |               |                                                    |              |                                       | NSDP bao gồm: |                                       |               |              |              |                                       | NSDP bao gồm: |              |                                       |              |                                                                                       |                                       | NSDP bao gồm: |              |               |                                       |              |                                       |          |     |        |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|    |                                                                                                                                                                         |                      |                                                    | NSTW          | NST     | Trong đó:     |              |                                       |                                       | NSTW          | NST   | Trong đó:     |              |                                                                                       |                                       | NSTW          | NST      | Trong đó:     |              |              |                                       | NSTW                                  | NST      | Trong đó:     |                                                    |              |                                       | NSTW          | NST                                   | Trong đó:     |              |              |                                       | NSTW          | NST          | Trong đó:                             |              |                                                                                       |                                       | NSTW          | NST          | Trong đó:     |                                       |              |                                       |          |     |        |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|    |                                                                                                                                                                         |                      |                                                    |               |         | NSDP bao gồm: |              |                                       |                                       |               |       | NSDP bao gồm: |              |                                                                                       |                                       |               |          | NSDP bao gồm: |              |              |                                       |                                       |          | NSDP bao gồm: |                                                    |              |                                       |               |                                       | NSDP bao gồm: |              |              |                                       |               |              | NSDP bao gồm:                         |              |                                                                                       |                                       |               |              | NSDP bao gồm: |                                       |              |                                       |          |     |        |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|    |                                                                                                                                                                         |                      |                                                    | NSTW          | NST     | Tổng số       | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD                          | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | NSTW          | NST   | Tổng số       | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD                                                                          | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | NSTW          | NST      | Tổng số       | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | NSTW                                  | NST      | Tổng số       | Vốn phân cấp                                       | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | NSTW          | NST                                   | Tổng số       | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | NSTW          | NST          | Tổng số                               | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD                                                                          | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | NSTW          | NST          | Tổng số       | Vốn phân cấp                          | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |          |     |        |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|    |                                                                                                                                                                         |                      |                                                    |               |         |               |              |                                       |                                       |               |       |               |              |                                                                                       |                                       |               |          |               |              |              |                                       |                                       |          |               |                                                    |              |                                       |               |                                       |               |              |              |                                       |               |              |                                       |              |                                                                                       |                                       |               |              |               |                                       |              |                                       |          |     |        |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|    |                                                                                                                                                                         |                      | NSTW                                               | NST           | Tổng số | Vốn phân cấp  | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng vốn                              | NSTW          | NST   | Tổng số       | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD                                                                          | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng vốn      | NSTW     | NST           | Tổng số      | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD                          | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng vốn | NSTW          | NST                                                | Tổng số      | Vốn phân cấp                          | Thu tiền SDD  | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng vốn      | NSTW         | NST          | Tổng số                               | Vốn phân cấp  | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng vốn     | NSTW                                                                                  | NST                                   | Tổng số       | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD  | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |              |                                       |          |     |        |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 46 | Xã Trà Thanh (Hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 xã Trà Thanh)           |                      | 2.530                                              | 2.200         | 220     | 110           | 110          | -                                     | -                                     | 110           | -     | -             | 110          | 110                                                                                   | -                                     | -             | 1.971,40 | 1.783,40      | 188,00       | -            | -                                     | -                                     | -        | 2.530         | 2.200                                              | 330          | 220                                   | 110           | 110                                   | -             | -            | 110          |                                       |               |              |                                       |              | 110                                                                                   | 110                                   | 0             | 110          | 110           | -                                     | -            | 1.971,40                              | 1.783,40 | 188 | 188,00 | - | - | - | - | - | - | - | - | - |   |   |   |   |   |
| 47 | Xã Trà Thanh (Hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 xã Trà Thanh)           |                      | 1.564                                              | 1.360         | 136     | 68            | 68           | -                                     | -                                     | 1.564         | 1.360 | 136           | 68           | 68                                                                                    | -                                     | -             | 0,00     |               |              |              |                                       |                                       |          | 1.564         | 1.360                                              | 204          | 136                                   | 68            | 68                                    | -             | -            | 1.564        | 1.360                                 | 204           | 136          | 68                                    | 68           | -                                                                                     | -                                     | -             | -            | -             | -                                     | -            | -                                     | -        | -   | -      | - | - | - | - | - | - | - | - |   |   |   |   |   |   |
| 48 | Xã Trà Hiệp (Dự án hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 xã Trà Hiệp)       |                      | 1.610                                              | 1.400         | 140     | 70            | 70           | -                                     | -                                     | 70            | -     | -             | 70           | 70                                                                                    | -                                     | -             | 0,00     |               |              |              |                                       |                                       |          | 1.610         | 1.400                                              | 210          | 140                                   | 70            | 70                                    | -             | -            | 70           |                                       |               |              |                                       |              | 70                                                                                    | 70                                    | 0             | 70           | 70            | -                                     | -            | -                                     | -        | -   | -      | - | - | - | - | - | - | - |   |   |   |   |   |   |   |
| 49 | Xã Trà Hiệp (Dự án hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 xã Trà Hiệp)       |                      | 2.898                                              | 2.520         | 252     | 126           | 126          | -                                     | -                                     | 126           | -     | -             | 126          | 126                                                                                   | -                                     | -             | 2.112,00 | 1.920,00      | 192,00       | -            | -                                     | -                                     | -        | 2.898         | 2.520                                              | 378          | 252                                   | 126           | 126                                   | -             | -            | 126          |                                       |               |              |                                       |              | 126                                                                                   | 126                                   | 0             | 126          | 126           | -                                     | -            | 2.112                                 | 1.920,00 | 192 | 192,00 | - | - | - | - | - | - | - | - | - |   |   |   |   |   |
| 50 | Xã Trà Hiệp (Dự án hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 xã Trà Hiệp)       |                      | 1.242                                              | 1.080         | 108     | 54            | 54           | -                                     | -                                     | 1.242         | 1.080 | 108           | 54           | 54                                                                                    | -                                     | -             | 0,00     |               |              |              |                                       |                                       |          | 1.242         | 1.080                                              | 162          | 108                                   | 54            | 54                                    | -             | -            | 1.242        | 1.080                                 | 162           | 108          | 54                                    | 54           | -                                                                                     | -                                     | -             | -            | -             | -                                     | -            | -                                     | -        | -   | -      | - | - | - | - | - | - | - |   |   |   |   |   |   |   |
| 51 | Xã Trà Hiệp (Dự án hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 xã Trà Hiệp đợt 2) |                      | 2.070                                              | 1.800         | 180     | 90            | 90           | -                                     | -                                     | 2.070         | 1.800 | 180           | 90           | 90                                                                                    | -                                     | -             | 0,00     |               |              |              |                                       |                                       |          | 2.070         | 1.800                                              | 270          | 180                                   | 90            | 90                                    | -             | -            | 2.070        | 1.800                                 | 270           | 180          | 90                                    | 90           | -                                                                                     | -                                     | -             | -            | -             | -                                     | -            | -                                     | -        | -   | -      | - | - | - | - | - | - | - | - |   |   |   |   |   |   |
| 52 | Xã Trà Lâm (Dự toán hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 xã Trà Lâm)       |                      | 1.104                                              | 960           | 96      | 48            | 48           | -                                     | -                                     | 48            | -     | -             | 48           | 48                                                                                    | -                                     | -             | 90,00    | 81,00         | 9,00         | -            | -                                     | -                                     | -        | 1.104         | 960                                                | 144          | 96                                    | 48            | 48                                    | -             | -            | 48           |                                       |               |              |                                       |              | 48                                                                                    | 48                                    | 0             | 48           | 48            | -                                     | -            | 90                                    | 81,00    | 9   | 9,00   | - | - | - | - | - | - | - | - | - |   |   |   |   |   |
| 53 | Xã Trà Lâm (Dự toán hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 xã Trà Lâm)       |                      | 1.242                                              | 1.080         | 108     | 54            | 54           | -                                     | -                                     | 1.242         | 1.080 | 108           | 54           | 54                                                                                    | -                                     | -             | 0,00     |               |              |              |                                       |                                       |          | 1.242         | 1.080                                              | 162          | 108                                   | 54            | 54                                    | -             | -            | 1.242        | 1.080                                 | 162           | 108          | 54                                    | 54           | -                                                                                     | -                                     | -             | -            | -             | -                                     | -            | -                                     | -        | -   | -      | - | - | - | - | - | - | - |   |   |   |   |   |   |   |
| 54 | Xã Hương Trà (Dự toán hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 xã Hương Trà)   | UBND xã Trà Trà Bồng | 460                                                | 400           | 40      | 20            | 20           | -                                     | -                                     | 20            | -     | -             | 20           | 20                                                                                    | -                                     | -             | 0,00     |               |              |              |                                       |                                       |          | 460           | 400                                                | 60           | 40                                    | 20            | 20                                    | -             | -            | 20           |                                       |               |              |                                       |              | 20                                                                                    | 20                                    | 0             | 20           | 20            | -                                     | -            | -                                     | -        | -   | -      | - | - | - | - | - | - | - | - |   |   |   |   |   |   |
| 55 | Xã Hương Trà (Dự toán hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 xã Hương Trà)   |                      | 2.806                                              | 2.440         | 244     | 122           | 122          | -                                     | -                                     | 122           | -     | -             | 122          | 122                                                                                   | -                                     | -             | 2.024,00 | 1.840,00      | 184,00       | -            | -                                     | -                                     | -        | 2.806         | 2.440                                              | 366          | 244                                   | 122           | 122                                   | -             | -            | 122          |                                       |               |              |                                       |              | 122                                                                                   | 122                                   | 0             | 122          | 122           | -                                     | -            | 2.024                                 | 1.840,00 | 184 | 184,00 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |   |   |   |
| 56 | Xã Hương Trà (Dự toán hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 xã Hương Trà)   |                      | 1.610                                              | 1.400         | 140     | 70            | 70           | -                                     | -                                     | 1.610         | 1.400 | 140           | 70           | 70                                                                                    | -                                     | -             | 0,00     |               |              |              |                                       |                                       |          | 1.610         | 1.400                                              | 210          | 140                                   | 70            | 70                                    | -             | -            | 1.610        | 1.400                                 | 210           | 140          | 70                                    | 70           | -                                                                                     | -                                     | -             | -            | -             | -                                     | -            | -                                     | -        | -   | -      | - | - | - | - | - | - | - | - | - |   |   |   |   |   |
| 57 | Xã Trà Tây (Dự án hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 xã Trà Tây)         |                      | 1.288                                              | 1.120         | 112     | 56            | 56           | -                                     | -                                     | 56            | -     | -             | 56           | 56                                                                                    | -                                     | -             | 588,00   | 560,00        | 28,00        | -            | -                                     | -                                     | -        | 1.288         | 1.120                                              | 168          | 112                                   | 56            | 56                                    | -             | -            | 56           |                                       |               |              |                                       |              | 56                                                                                    | 56                                    | 0             | 56           | 56            | -                                     | -            | 588                                   | 560,00   | 28  | 28,00  | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |   |   |   |
| 58 | Xã Trà Tây (Dự án hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 xã Trà Tây)         |                      | 3.128                                              | 2.720         | 272     | 136           | 136          | -                                     | -                                     | 3.128         | 2.720 | 272           | 136          | 136                                                                                   | -                                     | -             | 0,00     |               |              |              |                                       |                                       |          | 3.128         | 2.720                                              | 408          | 272                                   | 136           | 136                                   | -             | -            | 3.128        | 2.720                                 | 408           | 272          | 136                                   | 136          | -                                                                                     | -                                     | -             | -            | -             | -                                     | -            | -                                     | -        | -   | -      | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |   |   |   |   |
| 59 | Xã Trà Phong (Hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 xã Trà Phong)           | UBND xã Trà Trà      | 1.242                                              | 1.080         | 108     | 54            | 54           | -                                     | -                                     | 54            | -     | -             | 54           | 54                                                                                    | -                                     | -             | 0,00     |               |              |              |                                       |                                       |          | 1.242         | 1.080                                              | 162          | 108                                   | 54            | 54                                    | -             | -            | 54           |                                       |               |              |                                       |              | 54                                                                                    | 54                                    | 0             | 54           | 54            | -                                     | -            | -                                     | -        | -   | -      | - | - | - | - | - | - | - | - | - |   |   |   |   |   |
| 60 | Xã Trà Phong (Dự toán hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2024 xã Trà Phong)                                   |                      | 3.312                                              | 2.880         | 288     | 144           | 144          | -                                     | -                                     | 189           | 41    | 4             | 144          | 144                                                                                   | -                                     | -             | 439,00   | 155,00        | 284,00       | -            | -                                     | -                                     | -        | 3.312         | 2.880                                              | 432          | 288                                   | 144           | 144                                   | -             | -            | 189          | 41                                    | 148           | 4            | 144                                   | 144          | -                                                                                     | -                                     | 439           | 155          | 284           | 284                                   | -            | -                                     | -        | -   | -      | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |   |   |   |   |
| 61 | Xã Trà Phong (Dự toán hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2025 xã Trà Phong đợt 2)                             |                      | 4.416                                              | 3.840         | 384     | 192           | 192          | -                                     | -                                     | 4.416         | 3.840 | 384           | 192          | 192                                                                                   | -                                     | -             | 0,00     |               |              |              |                                       |                                       |          | 4.416         | 3.840                                              | 576          | 384                                   | 192           | 192                                   | -             | -            | 4.416        | 3.840                                 | 576           | 384          | 192                                   | 192          | -                                                                                     | -                                     | -             | -            | -             | -                                     | -            | -                                     | -        | -   | -      | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |   |   |
| 62 | Xã Sơn Trà (Dự toán hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 xã Sơn Trà)       |                      | 1.242                                              | 1.080         | 108     | 54            | 54           | -                                     | -                                     | 54            |       |               | 54           | 54                                                                                    | -                                     | -             | 0,00     |               |              |              |                                       |                                       |          | 1.242         | 1.080                                              | 162          | 108                                   | 54            | 54                                    | -             | -            | 54           |                                       |               |              |                                       |              | 54                                                                                    | 54                                    | 0             | 54           | 54            | -                                     | -            | -                                     | -        | -   | -      | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |   |   |   |   |
| 63 | Xã Sơn Trà (Dự toán hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 xã Sơn Trà)       |                      | 1.564                                              | 1.360         | 136     | 68            | 68           | -                                     | -                                     | 68            |       |               | 68           | 68                                                                                    | -                                     | -             | 1.232,00 | 1.120,00      | 112,00       | -            | -                                     | -                                     | -        | 1.564         | 1.360                                              | 204          | 136                                   | 68            | 68                                    | -             | -            | 68           |                                       |               |              |                                       |              | 68                                                                                    | 68                                    | 0             | 68           | 68            | -                                     | -            | 1.232                                 | 1.120,00 | 112 | 112,00 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |   |
| 64 | Xã Sơn Trà (Dự toán hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 xã Sơn Trà)       |                      | 322                                                | 280           | 28      | 14            | 14           | -                                     | -                                     | 322           | 280   | 28            | 14           | 14                                                                                    | -                                     | -             | -        | -             | -            | -            | -                                     | -                                     | -        | 322           | 280                                                | 42           | 28                                    | 14            | 14                                    | -             | -            | 322          | 280                                   | 42            | 28           | 14                                    | 14           | -                                                                                     | -                                     | -             | -            | -             | -                                     | -            | -                                     | -        | -   | -      | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |   |   |
| 65 | Xã Trà Xanh (Hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 xã Trà Xanh)             |                      | 2.852                                              | 2.480         | 248     | 124           | 124          | -                                     | -                                     | 124           |       |               | 124          | 124                                                                                   | -                                     | -             | 1.760,00 | 1.600,00      | 160,00       | -            | -                                     | -                                     | -        | 2.852         | 2.480                                              | 372          | 248                                   | 124           | 124                                   | -             | -            | 124          |                                       |               |              |                                       |              | 124                                                                                   | 124                                   | 0             | 124          | 124           | -                                     | -            | 1.760                                 | 1.600,00 | 160 | 160,00 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |   |   |
| 66 | Xã Trà Xanh (Hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 xã Trà Xanh)             |                      | 2.806                                              | 2.440         | 244     | 122           | 122          | -                                     | -                                     | 2.806         | 2.440 | 244           | 122          | 122                                                                                   | -                                     | -             | 0,00     |               |              |              |                                       |                                       |          | 2.806         | 2.440                                              | 366          | 244                                   | 122           | 122                                   | -             | -            | 2.806        | 2.440                                 | 366           | 244          | 122                                   | 122          | -                                                                                     | -                                     | -             | -            | -             | -                                     | -            | -                                     | -        | -   | -      | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |

|          |                                                                                                                                        |                   | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |              |              |                                       |          |      |     |         |              |              | Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kế dài từ năm 2024 về trước kế dài sang năm 2025) |          |        |       |         |              |              |                                       |          |       | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |         |              |              |                                       |          |       |       |         |              | Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kế dài từ năm 2024 về trước kế dài sang năm 2025) |                                       |          |       |        |         |              |              |                                       |       |   |   |   |   |   |   |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|------|-----|---------|--------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------|-------|---------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|-------|----------------------------------------------------|---------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|-------|-------|---------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------|-------|--------|---------|--------------|--------------|---------------------------------------|-------|---|---|---|---|---|---|
|          |                                                                                                                                        |                   | Kế hoạch vốn năm 2025                              |              |              |                                       |          |      |     |         |              |              | Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kế dài sang năm                             |          |        |       |         |              |              |                                       |          |       | Kế hoạch vốn năm 2025                              |         |              |              |                                       |          |       |       |         |              | Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kế dài sang năm 2025                        |                                       |          |       |        |         |              |              |                                       |       |   |   |   |   |   |   |
|          |                                                                                                                                        |                   | Trung dài:                                         |              |              |                                       |          |      |     |         |              |              | Trung dài:                                                                           |          |        |       |         |              |              |                                       |          |       | Trung dài:                                         |         |              |              |                                       |          |       |       |         |              | Trung dài:                                                                           |                                       |          |       |        |         |              |              |                                       |       |   |   |   |   |   |   |
|          |                                                                                                                                        |                   | NSDP bao gồm:                                      |              |              |                                       |          |      |     |         |              |              | NSDP bao gồm:                                                                        |          |        |       |         |              |              |                                       |          |       | NSDP bao gồm:                                      |         |              |              |                                       |          |       |       |         |              | NSDP bao gồm:                                                                        |                                       |          |       |        |         |              |              |                                       |       |   |   |   |   |   |   |
|          |                                                                                                                                        |                   | NSH                                                |              |              |                                       |          |      |     |         |              |              | NSH                                                                                  |          |        |       |         |              |              |                                       |          |       | NSH                                                |         |              |              |                                       |          |       |       |         |              | NSH                                                                                  |                                       |          |       |        |         |              |              |                                       |       |   |   |   |   |   |   |
| Tổng vốn | NSTW                                                                                                                                   | NST               | Tổng số                                            | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng vốn | NSTW | NST | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...)                                                | Tổng vốn | NSTW   | NST   | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng vốn | NSTW  | NST                                                | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng vốn | NSTW  | NST   | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD                                                                         | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng vốn | NSTW  | NST    | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |       |   |   |   |   |   |   |
| 67       | Xã Trà Giang (Đoạn bên bờ sông Trà Giang, phía đông của khu vực quy hoạch phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bằng hữu sông Trà Giang) | UBND xã Trà Giang | 460                                                | 400          | 40           | 20                                    | 20       | -    | -   | 20      | -            | -            | -                                                                                    | -        | 20     | -     | -       | 20           | 20           | -                                     | -        | -     | 460                                                | 400     | 60           | 40           | 20                                    | 20       | -     | 20    | -       | 20           | 0                                                                                    | 20                                    | 20       | -     | -      | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - |   |   |   |
| 68       | Xã Trà Giang                                                                                                                           | UBND xã Trà Giang | 1.300                                              | 959          | 160          | 181                                   | 181      | -    | -   | -       | -            | -            | -                                                                                    | 11.072   | 11.072 | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 1.300 | 959                                                | 341     | 160          | 181          | 181                                   | -        | 125   | -     | 125     | 0            | 125                                                                                  | 125                                   | -        | -     | 77.220 | 66.146  | 11.074       | 11.072       | 0                                     | 0.002 | - | - | - | - |   |   |
| 69       | Xã Trà Giang                                                                                                                           | UBND xã Trà Giang | 315                                                | 273          | 28           | 14                                    | 14       | -    | -   | -       | -            | -            | -                                                                                    | 172,00   | 156,00 | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 315   | 273                                                | 42      | 28           | 14           | 14                                    | -        | 0     | -     | 0       | 0            | 0                                                                                    | 0                                     | -        | -     | 180    | 156,00  | 24           | 16,00        | 8                                     | 8,00  | - | - | - | - |   |   |
| 70       | Xã Trà Giang                                                                                                                           | UBND xã Trà Giang | 45                                                 | 39           | 4            | 2                                     | 2        | -    | -   | -       | -            | -            | -                                                                                    | 66,15    | 66,15  | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 45    | 39                                                 | 6       | 4            | 2            | 2                                     | -        | 0     | -     | 0       | 0            | 0                                                                                    | 0                                     | -        | -     | -      | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - |   |   |   |
| 71       | Xã Long Mỹ                                                                                                                             | UBND xã Long Mỹ   | 600                                                | 600          | 60           | 30                                    | 30       | -    | -   | 92      | 80           | 8            | 4                                                                                    | 4        | -      | 0,00  | -       | -            | -            | -                                     | -        | 1.210 | 1.120                                              | 90      | 60           | 30           | 30                                    | -        | 92    | -     | 80      | 12           | 8                                                                                    | 4                                     | 4        | -     | -      | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - |   |   |   |
| 72       | Xã Thuận An                                                                                                                            | UBND xã Thuận An  | 1.288                                              | 1.120        | 112          | 56                                    | 56       | -    | -   | 230     | 200          | 20           | 10                                                                                   | 10       | -      | 0,00  | -       | -            | -            | -                                     | -        | 728   | 560                                                | 168     | 112          | 56           | 56                                    | -        | -     | 230   | 200     | 30           | 20                                                                                   | 10                                    | 10       | -     | -      | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - |   |   |   |
| 73       | Xã Long Sơn                                                                                                                            | UBND xã Long Sơn  | 276                                                | 240          | 24           | 12                                    | 12       | -    | -   | 138     | 120          | 12           | 6                                                                                    | 6        | -      | 0,00  | -       | -            | -            | -                                     | -        | 276   | 240                                                | 36      | 24           | 12           | 12                                    | -        | -     | 138   | 120     | 18           | 12                                                                                   | 6                                     | 6        | -     | -      | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - |   |   |   |
| 74       | Xã Long Mỹ                                                                                                                             | UBND xã Long Mỹ   | 644                                                | 560          | 56           | 28                                    | 28       | -    | -   | 552     | 480          | 48           | 24                                                                                   | 24       | -      | 0,00  | -       | -            | -            | -                                     | -        | 684   | 600                                                | 84      | 56           | 28           | 28                                    | -        | -     | 552   | 480     | 72           | 48                                                                                   | 24                                    | 24       | -     | -      | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - |   |   |   |
| 75       | Nâng cấp, mở rộng hệ thống nước sinh hoạt thôn 1, thôn 2 xã Nghĩa Sơn                                                                  | UBND xã Trà Giang | 1.211                                              | 838          | 86           | 287                                   | 287      | -    | -   | 895     | 551          | 57           | 287                                                                                  | 287      | -      | 15,00 | 15,00   | -            | -            | -                                     | -        | 1.211 | 838                                                | 373     | 86           | 287          | 287                                   | -        | 895   | -     | 551     | 344          | 57                                                                                   | 287                                   | 287      | -     | -      | 15      | 15,00        | -            | -                                     | -     | - | - | - | - |   |   |
| 76       | Khuyến khích đầu tư xây dựng                                                                                                           | UBND xã Trà Giang | 131                                                | 116          | 10           | 6                                     | 6        | -    | -   | 125     | 116          | 10           | -                                                                                    | -        | -      | 0,00  | -       | -            | -            | -                                     | -        | 131   | 116                                                | 16      | 10           | 6            | 6                                     | -        | -     | 131   | 115,5   | 16           | 10                                                                                   | 6                                     | 6        | -     | -      | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - |   |   |   |
| 77       | Khuyến khích đầu tư xây dựng                                                                                                           | UBND xã Trà Giang | 111                                                | 97           | 10           | 5                                     | 5        | -    | -   | 106     | 97           | 10           | -                                                                                    | -        | -      | 0,00  | -       | -            | -            | -                                     | -        | 111   | 97                                                 | 14      | 10           | 5            | 5                                     | -        | -     | 111   | 97      | 14           | 10                                                                                   | 5                                     | 5        | -     | -      | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - |   |   |   |
| 78       | Hỗ trợ nhà ở, nhà ở, đất sản xuất xã Nghĩa Sơn                                                                                         | UBND xã Trà Giang | 484                                                | 440          | 44           | -                                     | -        | -    | -   | -       | -            | -            | -                                                                                    | -        | 204,0  | 160,0 | -       | -            | -            | -                                     | -        | 484   | 440                                                | 44      | -            | -            | -                                     | -        | 0     | -     | 0       | -            | -                                                                                    | -                                     | -        | 204   | 160    | 44      | 44           | -            | -                                     | -     | - | - | - |   |   |   |
| 79       | Hỗ trợ nhà ở, nhà ở, đất sản xuất xã Nghĩa Sơn                                                                                         | UBND xã Trà Giang | 220                                                | 200          | 20           | -                                     | -        | -    | -   | -       | -            | -            | -                                                                                    | -        | 140,0  | 120,0 | -       | -            | -            | -                                     | -        | 220   | 200                                                | 20      | -            | -            | -                                     | -        | 0     | -     | 0       | -            | -                                                                                    | -                                     | -        | 140   | 120    | 20      | 20           | -            | -                                     | -     | - | - | - |   |   |   |
| 80       | Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thôn Kóm Kén                                                                                           | UBND xã Trà Giang | 624                                                | 573          | -            | 51                                    | 51       | -    | -   | 63,80   | 40,1         | 23,7         | 23,7                                                                                 | -        | -      | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 624   | 573                                                | 51      | 51           | 51           | -                                     | -        | 0     | -     | 0       | -            | -                                                                                    | -                                     | -        | 64    | 40,1   | 24      | 24           | 23,7         | -                                     | -     | - | - |   |   |   |   |
| 81       | Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thôn Kóm Kén                                                                                           | UBND xã Trà Giang | 578                                                | 532          | 46           | 46                                    | -        | -    | -   | 57,44   | 36,8         | 20,7         | 20,7                                                                                 | -        | -      | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 578   | 532                                                | 46      | 46           | 46           | -                                     | -        | 0     | -     | 0       | -            | -                                                                                    | -                                     | -        | 57    | 36,8   | 21      | 21           | 20,7         | -                                     | -     | - | - |   |   |   |   |
| 82       | Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thôn Kóm Kén, xã Nghĩa Sơn                                                                             | UBND xã Trà Giang | 834                                                | 757          | 77           | 77                                    | -        | -    | -   | -       | -            | -            | -                                                                                    | -        | -      | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 834   | 757                                                | 77      | 77           | 77           | -                                     | -        | -     | -     | -       | -            | -                                                                                    | -                                     | -        | -     | -      | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - |   |   |   |   |
| 83       | Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã Nghĩa Sơn                                                                                   | UBND xã Trà Giang | 0                                                  | -            | -            | -                                     | -        | -    | -   | -       | -            | -            | -                                                                                    | -        | -      | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 0     | -                                                  | 0       | -            | 0            | -                                     | -        | 0     | -     | 0       | -            | -                                                                                    | -                                     | 18       | 17,60 | -      | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - | - |   |   |
| 84       | Hỗ trợ nhà ở, nhà ở, đất sản xuất xã Nghĩa Sơn                                                                                         | UBND xã Trà Giang | 2.634                                              | 2.634,0      | -            | -                                     | -        | -    | -   | 1.583   | 1.583        | -            | -                                                                                    | -        | -      | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 2.634 | 2.634,0                                            | 0       | -            | 0            | -                                     | -        | -     | 1.583 | -       | 1.583        | 0                                                                                    | -                                     | 0        | -     | -      | 1.051   | 1.051,0      | -            | -                                     | -     | - | - | - | - |   |   |
| 85       | Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã Nghĩa Sơn                                                                                   | UBND xã Trà Giang | 0                                                  | -            | -            | -                                     | -        | -    | -   | -       | -            | -            | -                                                                                    | -        | -      | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 0     | -                                                  | 0       | -            | 0            | -                                     | -        | 0     | -     | 0       | -            | -                                                                                    | -                                     | 0        | 0,22  | -      | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - | - |   |   |
| 86       | Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn La Dơ                                                                                     | UBND xã Trà Giang | 1.283                                              | 1.166        | -            | 117                                   | -        | -    | 117 | 88,1    | -            | 88           | 88,1                                                                                 | -        | 19,1   | 19,1  | -       | -            | -            | -                                     | -        | 1.283 | 1.166,0                                            | 117     | -            | 117          | -                                     | 116,6    | 88    | -     | 88      | -            | 88                                                                                   | 88,1                                  | -        | -     | 19     | 19,1    | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - | - |   |   |
| 87       | Hỗ trợ nhà ở, nhà ở, đất sản xuất xã Nghĩa Sơn                                                                                         | UBND xã Trà Giang | 834                                                | 834          | -            | -                                     | -        | -    | -   | 834     | 834          | -            | -                                                                                    | -        | -      | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 834   | 834                                                | 0       | -            | 0            | -                                     | -        | 834   | 834   | 0       | -            | 0                                                                                    | -                                     | -        | -     | -      | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - | - |   |   |
| 88       | Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thôn Kóm Kén, xã Nghĩa Sơn                                                                             | UBND xã Trà Giang | 770                                                | 700          | -            | 70                                    | 70       | -    | -   | 770     | 700          | -            | 70                                                                                   | 70,0     | -      | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 770   | 700                                                | 70      | -            | 70           | 70                                    | -        | 770   | 700   | 70      | -            | 70                                                                                   | 70,0                                  | -        | -     | -      | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - | - |   |   |
| 89       | Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thôn Kóm Kén, xã Nghĩa Sơn                                                                             | UBND xã Trà Giang | -                                                  | -            | -            | -                                     | -        | -    | -   | -       | -            | -            | -                                                                                    | -        | -      | -     | -       | -            | -            | -                                     | 834      | 757   | 77                                                 | -       | 77           | 77           | -                                     | -        | -     | -     | -       | -            | -                                                                                    | -                                     | -        | -     | -      | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - |   |   |   |
| 90       | Hỗ trợ nhà ở, nhà ở, đất sản xuất xã Nghĩa Sơn                                                                                         | UBND xã Trà Giang | 176                                                | 160          | -            | 16                                    | 16       | -    | -   | 88      | 80           | -            | 8                                                                                    | 8,0      | -      | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 176   | 160                                                | 16      | -            | 16           | 16                                    | -        | 88    | -     | 80      | 8            | -                                                                                    | 8                                     | 8,0      | -     | -      | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - | - | - |   |
| 91       | Hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất xã Nghĩa Sơn                                                                                         | UBND xã Trà Giang | 1.357                                              | 836          | -            | 521                                   | 360      | -    | -   | 161,0   | 486          | 325          | -                                                                                    | 161      | -      | 161,0 | 201,0   | -            | -            | -                                     | -        | 1.357 | 836                                                | 521     | -            | 521          | 360                                   | -        | 161,0 | 486   | 325     | 161          | -                                                                                    | 161                                   | -        | -     | 161    | 201     | 201,0        | -            | -                                     | -     | - | - | - | - | - |   |
| 92       | Hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất xã Nghĩa Sơn                                                                                         | UBND xã Trà Giang | 460                                                | 198          | -            | 262                                   | -        | -    | -   | 262     | 320          | 158          | -                                                                                    | 162      | -      | 162,0 | -       | -            | -            | -                                     | -        | 460   | 198                                                | 262     | -            | 262          | -                                     | -        | 262   | 420   | 158     | 262          | -                                                                                    | 262                                   | -        | -     | 262    | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - | - |   |   |
| 93       | Hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất xã Nghĩa Sơn                                                                                         | UBND xã Trà Giang | 620                                                | 541          | -            | 79                                    | -        | -    | -   | 79      | 180          | 120          | -                                                                                    | 60       | -      | 60    | -       | -            | -            | -                                     | -        | 620   | 541                                                | 79      | -            | 79           | -                                     | -        | 79    | 180   | 120     | 60           | -                                                                                    | 60                                    | -        | -     | 60     | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - | - |   |   |
| 94       | Hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất xã Nghĩa Sơn                                                                                         | UBND xã Trà Giang | 159                                                | 159          | -            | 0                                     | -        | -    | -   | 120     | 79           | -            | 41                                                                                   | -        | 41     | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 200   | 159                                                | 41      | -            | 41           | -                                     | -        | 41    | 120   | 79      | 41           | -                                                                                    | 41                                    | -        | -     | 41     | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - | - |   |   |
| 95       | Hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất xã Nghĩa Sơn                                                                                         | UBND xã Trà Giang | 600                                                | 213          | -            | 477                                   | 210      | -    | -   | 267     | 480          | 213          | -                                                                                    | 267      | -      | 267   | -       | -            | -            | -                                     | -        | 600   | 213,0                                              | 477     | -            | 477          | 210                                   | -        | 267   | 480   | 213     | 267          | -                                                                                    | 267                                   | -        | -     | 267    | -       | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - | - |   |   |
| 96       | Hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất xã Nghĩa Sơn                                                                                         | UBND xã Trà Giang | 484                                                | 440          | -            | 44                                    | 44       | -    | -   | 264     | 240          | -            | 24                                                                                   | 24,0     | -      | 80,0  | 80,0    | -            | -            | -                                     | -        | 484   | 440                                                | 44      | -            | 44           | 44                                    | -        | 264   | 240   | 24      | -            | 24                                                                                   | 24,0                                  | -        | -     | 80     | 80,0    | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - | - |   |   |
| 97       | Hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất xã Nghĩa Sơn                                                                                         | UBND xã Trà Giang | 184                                                | 168          | -            | 17                                    | 17       | -    | -   | 169,8   | 167,5        | -            | 2,3                                                                                  | 2,25     | -      | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 184   | 168                                                | 17      | -            | 17           | 17                                    | -        | 0     | -     | 0       | -            | 0                                                                                    | -                                     | -        | 170   | 167,5  | 2       | 2            | 2,25         | -                                     | -     | - | - | - | - |   |   |
| 98       | Hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất xã Nghĩa Sơn                                                                                         | UBND xã Trà Giang | 857                                                | 780          | -            | 78                                    | 78       | -    | -   | 372     | 340          | -            | 32                                                                                   | 32,0     | -      | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 857   | 780                                                | 78      | -            | 78           | 78                                    | -        | 372   | 340   | 32      | -            | 32                                                                                   | 32,0                                  | -        | -     | 32     | 32,0    | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - | - | - |   |
| 99       | Hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất xã Nghĩa Sơn                                                                                         | UBND xã Trà Giang | 792                                                | 720          | -            | 72                                    | 72       | -    | -   | 220     | 200          | -            | 20                                                                                   | 20,0     | -      | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 792   | 720                                                | 72      | -            | 72           | 72                                    | -        | 220   | 200   | 20      | -            | 20                                                                                   | 20,0                                  | -        | -     | 20     | 20,0    | -            | -            | -                                     | -     | - | - | - | - | - | - |
| 100      | Nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn xã Nghĩa Sơn                                                                                     | UBND xã Trà Giang | 357                                                | 325          | -            | 32                                    | -        | 32   | -   | 357     | 325          | 32           | 32                                                                                   | 32,0     | -      | -     | -       | -            | -            | -                                     | -        | 357   | 325                                                | 32      | -            | 32           | -                                     | 32       | -     | 357   | 325     |              |                                                                                      |                                       |          |       |        |         |              |              |                                       |       |   |   |   |   |   |   |

[illegible]



|          | Tỉnh                                                                                        | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |         |              |              |                                       |               |       |       |         |              | Kế hoạch vốn năm 2025 (thao gồm vốn kế dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) |                                       |          |          |          |               |              |              |                                       |          | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |     |         |              |              |                                       |          |       |     |         | Kế hoạch vốn năm 2025 (thao gồm vốn kế dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) |              |                                       |       |          |  |  |  |  |  |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------|--------------|--------------|---------------------------------------|---------------|-------|-------|---------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------|----------|----------|---------------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|----------------------------------------------------|-----|---------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|-------|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------|-------|----------|--|--|--|--|--|
|          |                                                                                             | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |         |              |              |                                       |               |       |       |         |              | Kế hoạch vốn năm 2025                                                                  |                                       |          |          |          |               |              |              |                                       |          | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |     |         |              |              |                                       |          |       |     |         | Kế hoạch vốn năm 2025                                                                  |              |                                       |       |          |  |  |  |  |  |
|          |                                                                                             | Trong đó:                                          |         |              |              |                                       | Trong đó:     |       |       |         |              | Trong đó:                                                                              |                                       |          |          |          | Trong đó:     |              |              |                                       |          | Trong đó:                                          |     |         |              |              | Trong đó:                             |          |       |     |         |                                                                                        |              |                                       |       |          |  |  |  |  |  |
|          |                                                                                             | NSDP bao gồm:                                      |         |              |              |                                       | NSDP bao gồm: |       |       |         |              | NSDP bao gồm:                                                                          |                                       |          |          |          | NSDP bao gồm: |              |              |                                       |          | NSDP bao gồm:                                      |     |         |              |              | NSDP bao gồm:                         |          |       |     |         |                                                                                        |              |                                       |       |          |  |  |  |  |  |
|          |                                                                                             | NSDP                                               |         |              |              |                                       | NSDP          |       |       |         |              | NSDP                                                                                   |                                       |          |          |          | NSDP          |              |              |                                       |          | NSDP                                               |     |         |              |              | NSDP                                  |          |       |     |         |                                                                                        |              |                                       |       |          |  |  |  |  |  |
|          |                                                                                             | Trong đó:                                          |         |              |              |                                       | Trong đó:     |       |       |         |              | Trong đó:                                                                              |                                       |          |          |          | Trong đó:     |              |              |                                       |          | Trong đó:                                          |     |         |              |              | Trong đó:                             |          |       |     |         |                                                                                        |              |                                       |       |          |  |  |  |  |  |
| Tổng vốn | NSTW                                                                                        | NST                                                | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng vốn      | NSTW  | NST   | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD                                                                           | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng vốn | NSTW     | NST      | Tổng số       | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng vốn | NSTW                                               | NST | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng vốn | NSTW  | NST | Tổng số | Vốn phân cấp                                                                           | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |       |          |  |  |  |  |  |
| 224      | Đường BTXM từ Sinh Linh đi Hồ Chanh                                                         | 1.725                                              | 1.500   | 150          | 75           | 75                                    | -             | 75    | -     | -       | 75           | 75                                                                                     | -                                     | -        | 34,29    | 34,29    | -             | -            | -            | -                                     | 1.725    | 1.500                                              | 225 | 150     | 75           | 75           | -                                     | -        | 75    | -   | -       | 34                                                                                     | 34,29        | -                                     | -     |          |  |  |  |  |  |
| 225      | Núi tiếp đường Cây Ké đi Sông Ông                                                           | 1.495                                              | 1.300   | 130          | 65           | 65                                    | -             | -     | -     | -       | 3,83         | 3,83                                                                                   | -                                     | -        | 3,83     | 3,83     | -             | -            | -            | -                                     | 1.495    | 1.300                                              | 195 | 130     | 65           | 65           | -                                     | -        | 0     | -   | 0       | 3,83                                                                                   | 3,83         | 3,83                                  | 3,83  |          |  |  |  |  |  |
| 226      | Nhà văn hóa thôn 1, thôn 2, thôn 3                                                          | 2.013                                              | 1.750   | 175          | 88           | 88                                    | -             | 15    | -     | -       | 15           | 15                                                                                     | -                                     | -        | 15,14    | 15,14    | -             | -            | -            | -                                     | 2.013    | 1.750                                              | 263 | 175     | 88           | 88           | -                                     | -        | 15    | -   | 15      | 15,14                                                                                  | -            | -                                     | -     |          |  |  |  |  |  |
| 227      | Nâng cấp tuyến đường từ thôn 1 đi thôn 2 (núi nếp)                                          | 667                                                | 580     | 58           | 29           | 24                                    | -             | 5     | 662   | 580     | 58           | 24                                                                                     | 24                                    | -        | -        | 0,00     | -             | -            | -            | -                                     | 667      | 580                                                | 87  | 58      | 29           | 24           | -                                     | 5        | -     | -   | -       | -                                                                                      | -            | -                                     | -     |          |  |  |  |  |  |
| 228      | Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa thôn 2, xã Trà Giang                                         | 1.035                                              | 900     | 90           | 45           | 45                                    | -             | 6     | -     | -       | 6            | 6                                                                                      | -                                     | -        | 2,17     | -        | 2,17          | -            | -            | -                                     | 1.035    | 900                                                | 135 | 90      | 45           | 45           | -                                     | 6        | -     | 6   | 0       | 6                                                                                      | 2,17         | -                                     | 2,17  |          |  |  |  |  |  |
| 229      | Đường BTXM từ nhà ông Hồ Văn Khương đến nhà ông Trầm Quốc Viên xã 2, thôn 3                 | 1.150                                              | 1.000   | 100          | 50           | 50                                    | -             | 22    | -     | -       | 22           | 22                                                                                     | -                                     | -        | 0,00     | -        | -             | -            | -            | -                                     | 1.150    | 1.000                                              | 150 | 100     | 50           | 50           | -                                     | 22       | -     | 22  | 0       | 22                                                                                     | 22           | -                                     | -     | -        |  |  |  |  |  |
| 230      | Đường BTXM từ nhà ông Hồ Văn Văn đi xã 3, thôn 3 đến ngã 3 đường dân sinh                   | 1.277                                              | 1.110   | 111          | 56           | 56                                    | -             | 10    | -     | -       | 10           | 10                                                                                     | -                                     | -        | 38,27    | 33,97    | 4,30          | -            | -            | -                                     | 1.277    | 1.110                                              | 167 | 111     | 56           | 56           | -                                     | 10       | -     | 10  | 10      | 10                                                                                     | -            | -                                     | 38,27 | 33,97    |  |  |  |  |  |
| 231      | Cải tạo đường BTXM số 1, thôn 3 xã Quốc lộ 24C, đến nhà ông Hồ Văn Lân                      | 1.150                                              | 1.000   | 100          | 50           | 50                                    | -             | 27    | -     | -       | 27           | 27                                                                                     | -                                     | -        | 0,00     | -        | -             | -            | -            | -                                     | 1.150    | 1.000                                              | 150 | 100     | 50           | 50           | -                                     | 27       | -     | 27  | 0       | 27                                                                                     | 27           | -                                     | -     | -        |  |  |  |  |  |
| 232      | Cải tạo thuy lực cảnh đông Trà Lũ, Trà Nực                                                  | 1.150                                              | 1.000   | 100          | 50           | 50                                    | -             | 2     | -     | -       | 2            | 2                                                                                      | -                                     | -        | 0,00     | -        | -             | -            | -            | -                                     | 1.150    | 1.000                                              | 150 | 100     | 50           | 50           | -                                     | 2        | -     | 2   | 0       | 2                                                                                      | 2            | -                                     | -     | -        |  |  |  |  |  |
| 233      | Đường BTXM từ NVHT thôn 3 đến đường Mỏ Non số 2, thôn 3                                     | 1.150                                              | 1.000   | 100          | 50           | 50                                    | -             | 50    | -     | -       | 50           | 50                                                                                     | -                                     | -        | 688,11   | 588,11   | 100,00        | -            | -            | -                                     | 1.150    | 1.000                                              | 150 | 100     | 50           | 50           | -                                     | 50       | -     | 50  | 0       | 50                                                                                     | 50           | -                                     | -     | 688,11   |  |  |  |  |  |
| 234      | Cải tạo, mở rộng đường bê tông từ nhà ông Hồ Ngọc Đài đến QL 24C                            | 1.150                                              | 1.000   | 100          | 50           | 50                                    | -             | 48    | -     | -       | 48           | 48                                                                                     | -                                     | -        | 771,83   | 671,83   | 100,00        | -            | -            | -                                     | 1.150    | 1.000                                              | 150 | 100     | 50           | 50           | -                                     | 48       | -     | 48  | 0       | 48                                                                                     | 48           | -                                     | -     | 771,83   |  |  |  |  |  |
| 235      | Nhà Văn hóa thôn Ká Tánh                                                                    | 1.177                                              | 1.024   | 102          | 51           | 51                                    | -             | 9     | -     | -       | 9            | 9                                                                                      | -                                     | -        | 0,00     | -        | -             | -            | -            | -                                     | 1.177    | 1.024                                              | 153 | 102     | 51           | 51           | -                                     | 9        | -     | 9   | 0       | 9                                                                                      | 9            | -                                     | -     | -        |  |  |  |  |  |
| 236      | Đường thôn Bêc - thôn Tây Lát                                                               | 1.150                                              | 1.000   | 100          | 50           | 50                                    | -             | 23    | -     | -       | 23           | 23                                                                                     | -                                     | -        | 0,00     | -        | -             | -            | -            | -                                     | 1.150    | 1.000                                              | 150 | 100     | 50           | 50           | -                                     | 23       | -     | 23  | 0       | 23                                                                                     | 23           | -                                     | -     | -        |  |  |  |  |  |
| 237      | BTXM nhà ông Xi đi Làng Kham                                                                | 1.725                                              | 1.500   | 150          | 75           | 75                                    | -             | 5     | -     | -       | 5            | 5                                                                                      | -                                     | -        | 0,00     | -        | -             | -            | -            | -                                     | 1.725    | 1.500                                              | 225 | 150     | 75           | 75           | -                                     | 5        | -     | 5   | 0       | 5                                                                                      | 5            | -                                     | -     | -        |  |  |  |  |  |
| 238      | Nhà Văn hóa xã Trà Sơn                                                                      | 5.000                                              | 4.348   | 435          | 217          | 217                                   | -             | 217   | -     | -       | 217          | 217                                                                                    | -                                     | -        | 2.156,96 | 1.786,96 | 370,00        | -            | -            | -                                     | 5.000    | 4.348                                              | 652 | 435     | 217          | 217          | -                                     | 217      | -     | 217 | 0       | 217                                                                                    | 217          | -                                     | -     | 2.156,96 |  |  |  |  |  |
| 239      | Đường BTXM từ 1 đến số 2, thôn Bàng                                                         | 2.300                                              | 2.000   | 200          | 100          | 100                                   | -             | 16    | -     | -       | 16           | 16                                                                                     | -                                     | -        | 1,70     | -        | 1,70          | -            | -            | -                                     | 2.300    | 2.000                                              | 300 | 200     | 100          | 100          | -                                     | 16       | -     | 16  | 0       | 16                                                                                     | 16           | -                                     | -     | 1,70     |  |  |  |  |  |
| 240      | Cải tạo thuy lực nước Nguyễn                                                                | 1.304                                              | 1.104   | 110          | 65           | 65                                    | -             | 1.439 | 1.204 | 85      | 50           | 50                                                                                     | -                                     | -        | 45,00    | -        | 45,00         | -            | -            | -                                     | 1.304    | 1.104                                              | 135 | 85      | 50           | 50           | -                                     | 1.439    | 1.204 | 135 | 85      | 50                                                                                     | 50           | -                                     | -     | 45,00    |  |  |  |  |  |
| 241      | BTXM đường từ số 1 thôn Ca đến số 2 thôn Ca (tuyến nhà ông Lát)                             | 781                                                | 696     | 50           | 35           | 30                                    | -             | 5     | 776   | 696     | 50           | 30                                                                                     | 30                                    | -        | -        | 0,00     | -             | -            | -            | -                                     | 781      | 696                                                | 85  | 50      | 35           | 30           | -                                     | 5        | -     | 5   | 0       | 5                                                                                      | 5            | -                                     | -     | -        |  |  |  |  |  |
| 242      | Núi tiếp đường BTXM số 1 đến số 2, thôn Bàng                                                | 2.231                                              | 1.940   | 194          | 97           | 97                                    | -             | 97    | -     | -       | 97           | 97                                                                                     | -                                     | -        | 1.620,54 | 1.479,64 | 140,90        | -            | -            | -                                     | 2.231    | 1.940                                              | 291 | 194     | 97           | 97           | -                                     | 97       | -     | 97  | 0       | 97                                                                                     | 97           | -                                     | -     | 1.620,54 |  |  |  |  |  |
| 243      | Xây dựng tường rào công nghệ Truong Hòa gần thôn Cát                                        | 1.150                                              | 1.000   | 100          | 50           | 50                                    | -             | 31    | -     | -       | 31           | 31                                                                                     | -                                     | -        | -        | -        | -             | -            | -            | -                                     | 1.150    | 1.000                                              | 150 | 100     | 50           | 50           | -                                     | 31       | -     | 31  | 0       | 31                                                                                     | 31           | -                                     | -     | -        |  |  |  |  |  |
| 244      | Xây dựng tường rào, công nghệ, sân bãi, nhà văn hóa thôn Hòa Mỹ                             | 45                                                 | -       | 45           | -            | -                                     | -             | 1.605 | 1.500 | 105     | -            | -                                                                                      | -                                     | -        | 45,00    | -        | 45,00         | -            | -            | -                                     | 45       | 0                                                  | 45  | 45      | 0            | -            | -                                     | 0        | -     | 0   | 0       | 0                                                                                      | 45           | -                                     | 45    |          |  |  |  |  |  |
| 245      | Nâng cấp BTXM đường từ Ngã 3 nhà ông Nguyễn đến nhà Đập số 4, thôn Gô                       | 899                                                | 804     | 55           | 40           | 35                                    | -             | 5     | 35    | -       | -            | 35                                                                                     | 35                                    | -        | -        | -        | -             | -            | -            | -                                     | 899      | 804                                                | 95  | 55      | 40           | 35           | -                                     | 5        | -     | -   | -       | -                                                                                      | -            | -                                     | -     |          |  |  |  |  |  |
| 246      | Nâng cấp BTXM đường từ Nhà văn hóa thôn Vường đến Truong Mỏ Non cũ                          | 781                                                | 696     | 50           | 35           | 30                                    | -             | 5     | 30    | -       | -            | 30                                                                                     | 30                                    | -        | -        | -        | -             | -            | -            | -                                     | 781      | 696                                                | 85  | 50      | 35           | 30           | -                                     | 5        | -     | -   | -       | -                                                                                      | -            | -                                     | -     |          |  |  |  |  |  |
| 247      | Đường BTXM đi xã 3,4 thôn Trà Khương                                                        | 1.644                                              | 1.430   | 143          | 71           | 71                                    | -             | 10    | -     | -       | 10           | 10                                                                                     | -                                     | -        | 1.644    | 1.430    | 214           | 143          | 71           | 71                                    | -        | 10                                                 | -   | 10      | 10           | -            | 10                                    | -        | 10    | 0   | 10      | 10                                                                                     | -            | -                                     | -     |          |  |  |  |  |  |
| 248      | Đường BTXM nối vùng từ 1,2,3 thôn Trà Xanh                                                  | 1.725                                              | 1.500   | 150          | 75           | 75                                    | -             | 22    | -     | -       | 22           | 22                                                                                     | -                                     | -        | -        | -        | -             | -            | -            | -                                     | 1.725    | 1.500                                              | 225 | 150     | 75           | 75           | -                                     | 22       | -     | 22  | 0       | 22                                                                                     | 22           | -                                     | -     | -        |  |  |  |  |  |
| 249      | Thay lư nước Cầu Lạm                                                                        | 1.553                                              | 1.350   | 135          | 68           | 68                                    | -             | 68    | -     | -       | 68           | 68                                                                                     | -                                     | -        | -        | -        | -             | -            | -            | -                                     | 1.553    | 1.350                                              | 203 | 135     | 68           | 68           | -                                     | 68       | -     | 68  | 0       | 68                                                                                     | 68           | -                                     | -     | -        |  |  |  |  |  |
| 250      | Thay lư Nhà Bè Rắc                                                                          | 1.725                                              | 1.500   | 150          | 75           | 75                                    | -             | 1.679 | 1.500 | 104     | 75           | 75                                                                                     | -                                     | -        | 46,00    | -        | 46,00         | -            | -            | -                                     | 1.725    | 1.500                                              | 225 | 150     | 75           | 75           | -                                     | 1.679    | 1.500 | 179 | 104     | 75                                                                                     | 75           | -                                     | -     | 46,00    |  |  |  |  |  |
| 251      | BTXM tuyến đường nhà ông Hồ Văn Xanh, thôn Vang (núi tiếp đi đến khu dân cư Tân tự Ngã Lát) | 1.495                                              | 1.300   | 130          | 65           | 65                                    | -             | 65    | -     | -       | 65           | 65                                                                                     | -                                     | -        | 168,39   | 144,39   | 24,00         | -            | -            | -                                     | 1.495    | 1.300                                              | 195 | 130     | 65           | 65           | -                                     | 65       | -     | 65  | 0       | 65                                                                                     | 65           | -                                     | -     | 168,39   |  |  |  |  |  |
| 252      | Xây dựng tường rào, công nghệ Nhà Văn hóa thôn Đem                                          | 1.495                                              | 1.300   | 130          | 65           | 65                                    | -             | 30    | -     | -       | 30           | 30                                                                                     | -                                     | -        | 26,52    | -        | 26,52         | -            | -            | -                                     | 1.495    | 1.300                                              | 195 | 130     | 65           | 65           | -                                     | 30       | -     | 30  | 0       | 30                                                                                     | 30           | -                                     | -     | 26,52    |  |  |  |  |  |
| 253      | Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tré                                                            | 1.495                                              | 1.300   | 130          | 65           | 65                                    | -             | 30    | -     | -       | 30           | 30                                                                                     | -                                     | -        | 6,05     | -        | 6,05          | -            | -            | -                                     | 1.495    | 1.300                                              | 195 | 130     | 65           | 65           | -                                     | 30       | -     | 30  | 0       | 30                                                                                     | 30           | -                                     | -     | 6,05     |  |  |  |  |  |
| 254      | Đường BTXM tuyến Hồ Văn Bàu - Hồ Văn Non (T.Á.T. Trà Viên)                                  | 1.610                                              | 1.400   | 140          | 70           | 70                                    | -             | 70    | -     | -       | 70           | 70                                                                                     | -                                     | -        | 99,13    | 89,13    | 10,00         | -            | -            | -                                     | 1.610    | 1.400                                              | 210 | 140     | 70           | 70           | -                                     | 70       | -     | 70  | 0       | 70                                                                                     | 70           | -                                     | -     | 99,13    |  |  |  |  |  |
| 255      | Cải tạo, BTXM đường từ nhà văn hóa thôn Trà Núi (cũ) đi xóm ông Tr (rừng trường)            | 1.495                                              | 1.300   | 130          | 65           | 65                                    | -             | 65    | -     | -       | 65           | 65                                                                                     | -                                     | -        | 0,00     | -        | -             | -            | -            | -                                     | 1.495    | 1.300                                              | 195 | 130     | 65           | 65           | -                                     | 65       | -     | 65  | 0       | 65                                                                                     | 65           | -                                     | -     | -        |  |  |  |  |  |
| 256      | BTXM tuyến nhà Hòa Thịnh đến khu Y, thôn Hà Rộng (đơn 6)                                    | 1.495                                              | 1.300   | 130          | 65           | 65                                    | -             | 65    | -     | -       | 65           | 65                                                                                     | -                                     | -        | 0,00     | -        | -             | -            | -            | -                                     | 1.495    | 1.300                                              | 195 | 130     | 65           | 65           | -                                     | 65       | -     | 65  | 0       | 65                                                                                     | 65           | -                                     | -     | -        |  |  |  |  |  |
| 257      | Cải tạo, BTXM đường từ ngã ba nhà ông Hùng xóm cho đi thôn Sơn                              | 1.495                                              | 1.300   | 130          | 65           | 65                                    | -             | 1.450 | 1.300 | 85      | 65           | 65                                                                                     | -                                     | -        | 45,00    | -        | 45,00         | -            | -            | -                                     | 1.495    | 1.300                                              | 195 | 130     | 65           | 65           | -                                     | 1.450    | 1.300 | 150 | 85      | 65                                                                                     | 65           | -                                     | -     | 45       |  |  |  |  |  |
| 258      | Cải tạo Khu Kênh và đường dân                                                               | 2.875                                              | 2.500   | 250          | 125          | 125                                   | -             | 125   | -     | -       | 125          | 125                                                                                    | -                                     | -        | 212,23   | 162,23   | 50,00         | -            | -            | -                                     | 2.875    | 2.500                                              | 375 | 250     | 125          | 125          | -                                     | 125      | -     | 125 | 0       | 125                                                                                    | 125          | -                                     | -     | 212      |  |  |  |  |  |
| 259      | Cải tạo nhà văn hóa thôn Trà Kham                                                           | 1.380                                              | 1.200   | 120          | 60           | 60                                    | -             | 60    | -     | -       | 60           | 60                                                                                     | -                                     | -        | 267,03   | 147,03   | 120,00        | -            | -            | -                                     | 1.380    | 1.200                                              | 180 | 120     | 60           | 60           | -                                     | 60       | -     | 60  | 0       | 60                                                                                     | 60           | -                                     | -     | 267      |  |  |  |  |  |
| 260      | Cải tạo nhà văn hóa thôn Trà Viên                                                           | 1.495                                              | 1.300   | 130          | 65           | 65                                    | -             | 65    | -     | -       | 65           | 65                                                                                     | -                                     | -        | 175,25   | 87,24    | 88,01         | -            | -            | -                                     | 1.495    | 1.300                                              | 195 | 130     | 65           | 65           | -                                     | 65       | -     | 65  | 0       | 65                                                                                     | 65           | -                                     | -     | 175      |  |  |  |  |  |
| 261      | Đường của thôn Kênh xóm Cầu Chín                                                            | 1.495                                              | 1.300   | 130          | 65           | 65                                    | -             | 65    | -     | -       | 65           | 65                                                                                     | -                                     | -        | 360,13   | 129,98   | 230,15        | -            | -            | -                                     | 1.495    | 1.300                                              | 195 | 130     | 65           | 65           | -                                     | 65       | -     | 65  | 0       | 65                                                                                     | 65           | -                                     | -     | 360      |  |  |  |  |  |
| 262      | BTXM tuyến đường UBND xã Sơn Trà - Thôn Đông (GD4)                                          | 1.150                                              | 1.000   | 100          | 50           | 50                                    | -             | 2     | -     | -       | 2            | 2                                                                                      | -                                     | -        | 4,83     | -        | 4,83          | -            | -            | -                                     | 1.150    | 1.000                                              | 150 | 100     | 50           | 50           | -                                     | 2        | -     | 2   |         |                                                                                        |              |                                       |       |          |  |  |  |  |  |



|          |                                                                                                                                                                      |                  | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |              |            |                                       |              |                                       |          |         |              |            | Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kế dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) |                                       |          |         |         |               |              |                                       |          |       | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |           |              |                                       |                                       |               |      |           |              |                                       | Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kế dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) |                                       |     |           |        |               |      |     |      |       |      |   |      |     |      |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------|--------------|------------|---------------------------------------|--------------|---------------------------------------|----------|---------|--------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------|---------|---------|---------------|--------------|---------------------------------------|----------|-------|----------------------------------------------------|-----------|--------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------|------|-----------|--------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----|-----------|--------|---------------|------|-----|------|-------|------|---|------|-----|------|
|          |                                                                                                                                                                      |                  | Kế hoạch vốn năm 2025                              |              |            |                                       |              |                                       |          |         |              |            | Kế hoạch vốn năm 2025                                                                 |                                       |          |         |         |               |              |                                       |          |       | Kế hoạch vốn năm 2025                              |           |              |                                       |                                       |               |      |           |              |                                       | Kế hoạch vốn năm 2025                                                                 |                                       |     |           |        |               |      |     |      |       |      |   |      |     |      |
|          |                                                                                                                                                                      |                  | Trong đó:                                          |              |            |                                       |              | NSDP bao gồm:                         |          |         |              |            | Trong đó:                                                                             |                                       |          |         |         | NSDP bao gồm: |              |                                       |          |       | Trong đó:                                          |           |              |                                       |                                       | NSDP bao gồm: |      |           |              |                                       | Trong đó:                                                                             |                                       |     |           |        | NSDP bao gồm: |      |     |      |       |      |   |      |     |      |
|          |                                                                                                                                                                      |                  | Tổng vốn                                           | NSTW         | NST        | Trong đó:                             |              |                                       | Tổng vốn | NSTW    | NST          | Trong đó:  |                                                                                       |                                       | Tổng vốn | NSTW    | NST     | Trong đó:     |              |                                       | Tổng vốn | NSTW  | NST                                                | Trong đó: |              |                                       | Tổng vốn                              | NSTW          | NST  | Trong đó: |              |                                       | Tổng vốn                                                                              | NSTW                                  | NST | Trong đó: |        |               |      |     |      |       |      |   |      |     |      |
|          |                                                                                                                                                                      |                  |                                                    |              |            | Tổng số                               | Vốn phân cấp | Vốn khác (tổng thu, tiết kiệm chi...) |          |         |              | Tổng số    | Vốn phân cấp                                                                          | Vốn khác (tổng thu, tiết kiệm chi...) |          |         |         | Tổng số       | Vốn phân cấp | Vốn khác (tổng thu, tiết kiệm chi...) |          |       |                                                    | Tổng số   | Vốn phân cấp | Vốn khác (tổng thu, tiết kiệm chi...) |                                       |               |      | Tổng số   | Vốn phân cấp | Vốn khác (tổng thu, tiết kiệm chi...) |                                                                                       |                                       |     |           |        |               |      |     |      |       |      |   |      |     |      |
| Tổng vốn | NSTW                                                                                                                                                                 | NST              | Tổng số                                            | Vốn phân cấp | Thu từ SDD | Vốn khác (tổng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng số      | NSTW                                  | NST      | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu từ SDD | Vốn khác (tổng thu, tiết kiệm chi...)                                                 | Tổng số                               | NSTW     | NST     | Tổng số | Vốn phân cấp  | Thu từ SDD   | Vốn khác (tổng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng số  | NSTW  | NST                                                | Tổng số   | Vốn phân cấp | Thu từ SDD                            | Vốn khác (tổng thu, tiết kiệm chi...) | Tổng số       | NSTW | NST       | Tổng số      | Vốn phân cấp                          | Thu từ SDD                                                                            | Vốn khác (tổng thu, tiết kiệm chi...) |     |           |        |               |      |     |      |       |      |   |      |     |      |
| 324      | Đường GTNT thôn Kơ Rơ Lang xã Đắk Hòa, TP Kon Tum ( Các đoạn Kết nối đoạn 2)                                                                                         |                  | 183                                                | 157          | -          | 26                                    | 26           | -                                     | -        | 183     | 157          | -          | 26,0                                                                                  | 26                                    | -        | -       | -       | -             | -            | -                                     | -        | 183   | 157                                                | -         | 26           | 26                                    | -                                     | -             | 183  | 157       | -            | 26                                    | 26                                                                                    | -                                     | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - |      |     |      |
| 325      | Trường Tiểu học Bể Vàng Dân xã Đắk Hòa, TP Kon Tum; Hàng mục: Diện trường thôn Kơ Gur Sản bê tông và các hạng mục phụ trợ                                            |                  | 187                                                | 170          | -          | 17                                    | 17           | -                                     | -        | 187     | 170          | -          | 17,0                                                                                  | 17                                    | -        | -       | -       | -             | -            | -                                     | -        | 187   | 170                                                | -         | 17           | 17                                    | -                                     | -             | 187  | 170       | -            | 17                                    | 17                                                                                    | -                                     | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - |      |     |      |
| 326      | Sân chơi nhà rông văn hóa thôn Kơ Tum Kơ Pong                                                                                                                        |                  | 595                                                | 544          | -          | 51                                    | 51           | -                                     | -        | 595     | 544          | -          | 51,0                                                                                  | 51                                    | -        | -       | -       | -             | -            | -                                     | -        | 595   | 544                                                | -         | 51           | 51                                    | -                                     | -             | 595  | 544       | -            | 51                                    | 51                                                                                    | -                                     | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - |      |     |      |
| 327      | Sửa chữa đường GTGT số 02 thôn Kơ Tum Kơ Năm Hòn, xã Đắk Rô Wơ                                                                                                       |                  | 172                                                | 154          | -          | 18                                    | 18           | -                                     | -        |         |              |            | 70,7                                                                                  | 53                                    | -        | -       | 18      | 18            | -            | -                                     | -        | 172   | 154                                                | -         | 18           | 18                                    | -                                     | -             | 0    | 0         | -            | 0                                     | 0                                                                                     | -                                     | 0   | 0         | -      | 0             | 0    | -   | 0    | 0     | -    | 0 | 0    |     |      |
| 328      | Nhà rông thôn Kơ Tum Kơ Năm; Hàng mục: tường rào, sân bê tông                                                                                                        |                  | 168                                                | 151          | -          | 17                                    | 17           | -                                     | -        |         |              |            | 1,7                                                                                   | 2                                     | 2        | -       | 17      | 17            | -            | -                                     | -        | 168   | 151                                                | -         | 17           | 17                                    | -                                     | -             | 0    | 0         | -            | 0                                     | 0                                                                                     | -                                     | 0   | 0         | -      | 0             | 0    | -   | 0    | 0     | -    | 0 | 0    |     |      |
| 329      | Sân chơi nhà rông văn hóa thôn Kơ lo Rơ, xã Đắk Rô Wơ                                                                                                                |                  | 220                                                | 200          | -          | 20                                    | 20           | -                                     | -        |         |              |            | 1,5                                                                                   | 2                                     | 2        | -       | 20      | 20            | -            | -                                     | -        | 220   | 200                                                | -         | 20           | 20                                    | -                                     | -             | 0    | 0         | -            | 0                                     | 0                                                                                     | -                                     | 0   | 0         | -      | 0             | 0    | -   | 0    | 0     | -    | 0 | 0    |     |      |
| 330      | Sân chơi nhà rông văn hóa thôn Kơ Tum Kơ Pong, xã Đắk Rô Wơ                                                                                                          |                  | 132                                                | 120          | -          | 12                                    | 12           | -                                     | -        |         |              |            | 1,2                                                                                   | 1                                     | 0        | 0       | 12      | 12            | -            | -                                     | -        | 132   | 120                                                | -         | 12           | 12                                    | -                                     | -             | 0    | 0         | -            | 0                                     | 0                                                                                     | -                                     | 0   | 0         | -      | 0             | 0    | -   | 0    | 0     | -    | 0 | 0    |     |      |
| 331      | Đường GTNT nối thôn Kơ Kơ, xã Đắk Rô Wơ (đoạn nối ông A Hých đến nhà ông A Yih)                                                                                      |                  | 140                                                | 126          | -          | 14                                    | 14           | -                                     | -        |         |              |            | 5,8                                                                                   | 6                                     | 6        | -       | 14      | 14            | -            | -                                     | -        | 140   | 126                                                | -         | 14           | 14                                    | -                                     | -             | 0    | 0         | -            | 0                                     | 0                                                                                     | -                                     | 0   | 0         | -      | 0             | 0    | -   | 0    | 0     | -    | 0 | 0    |     |      |
| 332      | Diện trường Mầm non thôn Kơ Tum Kơ Pong; Hàng mục: tường rào, sân bê tông                                                                                            |                  | 146                                                | 132          | -          | 14                                    | 14           | -                                     | -        |         |              |            | 0,360                                                                                 | 0,360                                 | 0,36     | -       | 14      | 14            | -            | -                                     | -        | 146   | 132                                                | -         | 14           | 14                                    | -                                     | -             | 0    | 0         | -            | 0                                     | 0                                                                                     | -                                     | 0   | 0         | -      | 0             | 0    | -   | 0    | 0     | -    | 0 | 0    |     |      |
| 333      | Sân chơi nhà rông văn hóa thôn Kơ Kơ                                                                                                                                 |                  | 470                                                | 423          | -          | 47                                    | 47           | -                                     | -        | 470     | 423          | -          | 47,0                                                                                  | 47                                    | -        | -       | -       | -             | -            | -                                     | -        | 470   | 423                                                | -         | 47           | 47                                    | -                                     | -             | 47   | 47        | -            | -                                     | -                                                                                     | -                                     | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 334      | Đường bê tông thôn Plei-tram - Đăkchơh (Đoạn 1: Từ nhà bà Y Bông đến công viên trạng. Đoạn 2: Từ nhà ông A N्हích đến nghĩa địa cũ. Đoạn 3: Đường nối đồng cũn lại). | Phường Đắk Chơh  | 518                                                | 485          | -          | 33                                    | 33           | -                                     | -        | 324     | 309          | -          | 15,0                                                                                  | 15,0                                  | -        | -       | 14,6    | 14,57         | -            | -                                     | -        | 518   | 485                                                | -         | 33           | 33                                    | -                                     | -             | 324  | 309       | -            | 15                                    | 15                                                                                    | -                                     | -   | 15        | 14,57  | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 335      | Đường nối thôn Kơrong Khô (Từ nhà A Thanh đến Tỉnh lộ 666 cũ)                                                                                                        | UBND xã Ngok Bay | 288                                                | 264          | -          | 24                                    | 24           | -                                     | -        | 288     | 264          | -          | 24                                                                                    | 24                                    | -        | -       | -       | -             | -            | -                                     | -        | 288   | 264                                                | -         | 24           | 24                                    | -                                     | -             | 288  | 264       | -            | 24                                    | 24                                                                                    | -                                     | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 336      | Đường nối thôn Kơrong Khô (Từ nhà A Kuhl đến nhà A Ngum)                                                                                                             |                  | 32                                                 | 27           | -          | 5                                     | 5            | -                                     | -        | 32      | 27           | -          | 5                                                                                     | 5                                     | -        | -       | -       | -             | -            | -                                     | -        | 32    | 27                                                 | -         | 5            | 5                                     | -                                     | -             | 32   | 27        | -            | 5                                     | 5                                                                                     | -                                     | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 337      | Đường nối thôn Kơrong Kơ (Từ nhà A Úi đến Tỉnh lộ 666 cũ)                                                                                                            |                  | 119                                                | 108          | -          | 11                                    | 11           | -                                     | -        | 119     | 108          | -          | 11                                                                                    | 11                                    | -        | -       | -       | -             | -            | -                                     | -        | 119   | 108                                                | -         | 11           | 11                                    | -                                     | -             | 119  | 108       | -            | 11                                    | 11                                                                                    | -                                     | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 338      | Đường nối thôn KơrongKhô (Từ nhà A Saoh đến Tỉnh lộ 666 cũ)                                                                                                          |                  | 177                                                | 161          | -          | 16                                    | 16           | -                                     | -        | 177     | 161          | -          | 16                                                                                    | 16                                    | -        | -       | -       | -             | -            | -                                     | -        | 177   | 161                                                | -         | 16           | 16                                    | -                                     | -             | 177  | 161       | -            | 16                                    | 16                                                                                    | -                                     | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 339      | Đường nối thôn Kơrong Kơ (Từ nhà A Khoum đến Dân sản xuất)                                                                                                           |                  | 58                                                 | 47           | -          | 11                                    | 11           | -                                     | -        | 58      | 47           | -          | 11                                                                                    | 11                                    | -        | -       | -       | -             | -            | -                                     | -        | 58    | 47                                                 | -         | 11           | 11                                    | -                                     | -             | 58   | 47        | -            | 11                                    | 11                                                                                    | -                                     | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 340      | Diện chiếu sáng đường giao thông nông thôn thôn Kơrong Khô                                                                                                           |                  | 179                                                | 168          | -          | 11                                    | 11           | -                                     | -        | 179     | 168          | -          | 11                                                                                    | 11                                    | -        | -       | -       | -             | -            | -                                     | -        | 179   | 168                                                | -         | 11           | 11                                    | -                                     | -             | 179  | 168       | -            | 11                                    | 11                                                                                    | -                                     | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 341      | Đường GTNT Đắk Rao Nho, xã Pô Kô (Đoạn từ nhà ông Chung đến nhà ông A Vơng)                                                                                          | UBND xã Đắk Tô   | 78                                                 | 78           | -          | -                                     | -            | -                                     | -        | -       | -            | -          | -                                                                                     | -                                     | -        | -       | -       | -             | -            | -                                     | -        | 82    | 82                                                 | -         | 0            | 0                                     | -                                     | -             | 0    | -         | -            | 0                                     | 0                                                                                     | -                                     | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - |      |     |      |
| 342      | Đường đi vào nghĩa địa thôn Kơ Tum Đôn 2, xã Pô Kô                                                                                                                   |                  | 664                                                | 664          | -          | -                                     | -            | -                                     | -        | -       | -            | -          | -                                                                                     | -                                     | -        | -       | -       | -             | -            | -                                     | -        | 660   | 660                                                | -         | 0            | 0                                     | -                                     | -             | 0    | -         | -            | 0                                     | 0                                                                                     | -                                     | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 343      | Nhà văn hóa thôn cũn thôn Đắk Rao Nho, Đắk Mơ Ham, Kơ Tum Đôn 2 xã Pô Kô                                                                                             |                  | 560                                                | 520          | -          | 40                                    | -            | -                                     | 40       | 560     | 520          | -          | 40,0                                                                                  | -                                     | -        | 40,0    | -       | -             | -            | -                                     | -        | 560   | 520                                                | -         | 40           | -                                     | -                                     | 40            | -    | -         | 40           | -                                     | -                                                                                     | 40,0                                  | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 344      | Đường đi khu sản xuất trại bò thôn Kơ Tum Pong, xã Pô Kô (đoạn từ rẫy nhà ông A Ten đến đoạn đường bị sạt lở)                                                        |                  | 920                                                | 820          | -          | 100                                   | -            | -                                     | 100      | 920     | 820          | -          | 100,0                                                                                 | -                                     | -        | 100,0   | -       | -             | -            | -                                     | -        | 920   | 820                                                | -         | 100          | -                                     | -                                     | 100           | -    | -         | 100          | -                                     | -                                                                                     | 100,0                                 | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 345      | Đường đi khu du lịch suối Đắk Núi thôn Kơ Tum Đôn 2, xã Pô Kô                                                                                                        |                  | 440                                                | 400          | -          | 40                                    | -            | -                                     | 40       | 440     | 400          | -          | 40,0                                                                                  | -                                     | -        | 40,0    | -       | -             | -            | -                                     | -        | 440   | 400                                                | -         | 40           | -                                     | -                                     | 40            | -    | -         | 40           | -                                     | -                                                                                     | 40,0                                  | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 346      | Đường đi khu sản xuất Đắk Ta la thôn Đắk Rao Nho, xã Pô Kô                                                                                                           |                  | 440                                                | 400          | -          | 40                                    | -            | -                                     | 40       | 75      | 75           | -          | -                                                                                     | 365,0                                 | 325,00   | -       | 40      | 40,00         | 440          | 400                                   | -        | 40    | -                                                  | 40        | -            | -                                     | 40                                    | -             | 40   | 75        | 75           | -                                     | 0                                                                                     | 0                                     | -   | 365       | 325,00 | -             | 40   | 40  | -    | 40,00 | -    | - |      |     |      |
| 347      | Đường đi khu sản xuất thôn Kơ Tum Đôn 2, xã Pô Kô (Đoạn từ nhà ông A Thu đến cầu rẫy ông A Đur và ông A Mý)                                                          |                  | 397                                                | 357          | -          | 40                                    | -            | -                                     | 40       | 397     | 357          | -          | 40,0                                                                                  | -                                     | -        | 40,0    | -       | -             | -            | -                                     | -        | 397   | 357                                                | -         | 40           | -                                     | -                                     | 40            | -    | 397       | 357          | -                                     | 40                                                                                    | -                                     | -   | 40,0      | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 348      | Kiến cổ hóa kính trang trí tại Đỉnh Tằng                                                                                                                             | UBND xã Ngok Tu  | 144                                                | 144          | -          | -                                     | -            | -                                     | -        | 108     | 108          | -          | -                                                                                     | -                                     | -        | 107,4   | 107,35  | -             | -            | -                                     | -        | 144   | 144                                                | -         | 0            | 0                                     | -                                     | -             | 108  | 108       | -            | 0                                     | 0                                                                                     | -                                     | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 349      | Đường đi sản xuất thôn Đắk Núi, Đắk Tằng (Đoạn từ trạm y tế đến rẫy ông A Bơng)                                                                                      |                  | 1.360                                              | 1.250        | -          | 110                                   | 109,97       | -                                     | 0,03     | 200     | 200          | -          | -                                                                                     | -                                     | -        | -       | -       | -             | -            | -                                     | -        | 1.360 | 1.250                                              | -         | 110          | 110                                   | 109,97                                | -             | 0,03 | 200       | 200          | -                                     | 0                                                                                     | 0                                     | -   | -         | -      | -             | 0,03 | -   | 0,03 | -     | 0,03 | - | 0,03 | -   | 0,03 |
| 350      | Đường thôn Đắk Chơ (đoạn nhà mới)                                                                                                                                    |                  | 1.302                                              | 1.202        | -          | 100                                   | -            | -                                     | 100      | 1.282   | 1.202        | -          | 80,0                                                                                  | -                                     | -        | 80,0    | -       | -             | -            | -                                     | -        | 1.302 | 1.202                                              | -         | 100          | 100                                   | -                                     | -             | 100  | 1.282     | 1.202        | -                                     | 80                                                                                    | 80                                    | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    | -   |      |
| 351      | Đường đi sản xuất thôn Kơ Pong (Đoạn 3)                                                                                                                              |                  | 783                                                | 713          | -          | 70                                    | -            | -                                     | 70       | 773     | 713          | -          | 60,0                                                                                  | -                                     | -        | 60,0    | -       | -             | -            | -                                     | -        | 783   | 713                                                | -         | 70           | 70                                    | -                                     | -             | 70   | 773       | 713          | -                                     | 60                                                                                    | 60                                    | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 352      | Đường đi khu sản xuất Đắk Kơ                                                                                                                                         |                  | 1.600                                              | 1.500        | -          | 100                                   | -            | -                                     | 100      | 400     | 400          | -          | -                                                                                     | -                                     | -        | 1.008,3 | 1.008,3 | -             | -            | -                                     | -        | 1.600 | 1.500                                              | -         | 100          | -                                     | -                                     | 100           | -    | -         | 100          | 400                                   | -                                                                                     | 0                                     | 0   | -         | 1.108  | 1.008,30      | -    | 100 | 100  | -     | -    | - | -    | 100 |      |
| 353      | Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Pong (Từ đường ĐH 53 đến đất ông A Gươ)                                                                                               |                  | 964                                                | 884          | -          | 80                                    | -            | -                                     | 80       | 929     | 884          | -          | 45,0                                                                                  | -                                     | -        | 45,0    | -       | -             | -            | -                                     | -        | 964   | 884                                                | -         | 80           | -                                     | -                                     | 80            | -    | 929       | 884          | -                                     | 45                                                                                    | -                                     | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 354      | Đường đi khu sản xuất Đắk Mãnh (Đoạn từ đất ông A Nha đến đất ông A Lai)                                                                                             |                  | 914                                                | 844          | -          | 70                                    | -            | -                                     | 70       | 877     | 844          | -          | 33,0                                                                                  | -                                     | -        | 33,0    | -       | -             | -            | -                                     | -        | 914   | 844                                                | -         | 70           | -                                     | -                                     | 70            | -    | 877       | 844          | -                                     | 33                                                                                    | -                                     | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 355      | Đường đi sản xuất thôn Kơ Đôn (đoạn nối đất)                                                                                                                         | UBND xã Kơ Đôn   | 922                                                | 622          | -          | 300                                   | 297          | -                                     | 3,4      | 3       | 3            | -          | 3,4                                                                                   | 2,1                                   | 2,1      | -       | -       | -             | -            | -                                     | -        | 922   | 622                                                | -         | 300          | 300                                   | 297                                   | -             | 3,4  | 3         | 3            | 3                                     | -                                                                                     | -                                     | -   | 3,4       | 2      | 2,06          | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    | -   |      |
| 356      | Đường đi khu sản xuất rẫy rẫy ông A Nguê                                                                                                                             |                  | 1.100                                              | 1.010        | -          | 90                                    | -            | -                                     | 90       | 1.100   | 1.010        | -          | 90,0                                                                                  | -                                     | -        | 90,0    | -       | -             | -            | -                                     | -        | 1.100 | 1.010                                              | -         | 90           | -                                     | -                                     | 90            | -    | -         | 90           | -                                     | -                                                                                     | 90,0                                  | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 357      | Hệ thống thoát nước các huyện đường nối thôn Đắk Trưng                                                                                                               |                  | 440                                                | 400          | -          | 40                                    | -            | -                                     | 40       | 440     | 400          | -          | 40,0                                                                                  | -                                     | -        | 40,0    | -       | -             | -            | -                                     | -        | 440   | 400                                                | -         | 40           | -                                     | -                                     | 40            | -    | -         | 40           | -                                     | -                                                                                     | 40,0                                  | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 358      | Đường nối thôn Đắk Rô Gac; Hàng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước                                                                                           |                  | 490                                                | 450          | -          | 40                                    | -            | -                                     | 40       | 490     | 450          | -          | 40,0                                                                                  | -                                     | -        | 40,0    | -       | -             | -            | -                                     | -        | 490   | 450                                                | -         | 40           | -                                     | -                                     | 40            | -    | -         | 490          | 450                                   | -                                                                                     | 40                                    | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 359      | Đường nối thôn khu trung tâm thôn Đắk Trăm; Hàng mục: Nền mặt đường và hệ thống thoát nước                                                                           |                  | 596                                                | 546          | -          | 50                                    | -            | -                                     | 50       | 596     | 546          | -          | 50,0                                                                                  | -                                     | -        | 50,0    | -       | -             | -            | -                                     | -        | 596   | 546                                                | -         | 50           | -                                     | -                                     | 50            | -    | -         | 596          | 546                                   | -                                                                                     | 50                                    | -   | -         | -      | -             | -    | -   | -    | -     | -    | - | -    |     |      |
| 360      | Đường đi khu sản xuất Tê Rông (Đoạn từ ĐH 51 đến khu sản xuất)                                                                                                       |                  | 645                                                | 550          | -          | 95                                    | -            | -                                     | 95       | 605     | 510          | -          |                                                                                       |                                       |          |         |         |               |              |                                       |          |       |                                                    |           |              |                                       |                                       |               |      |           |              |                                       |                                                                                       |                                       |     |           |        |               |      |     |      |       |      |   |      |     |      |



|     |                                                                                                                                                                    | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |               |       |         |              |              |                                       |          |               |       |         |              | Kế hoạch vốn năm 2025 (theo phân bổ vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) |                                       |          |               |     |         |              |              |                                       |          |               |       | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |              |              |                                       |          |               |       |         |              |              |                                       |          | Kế hoạch vốn năm 2025 (theo phân bổ vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) |       |         |              |              |                                       |   |   |   |   |   |  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------|-------|---------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|---------------|-------|---------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------|---------------|-----|---------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|---------------|-------|----------------------------------------------------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|---------------|-------|---------|--------------|--------------|---------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------|--------------|--------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|--|
|     |                                                                                                                                                                    | Kế hoạch vốn năm 2025                              |               |       |         |              |              |                                       |          |               |       |         |              | Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025                              |                                       |          |               |     |         |              |              |                                       |          |               |       | Kế hoạch vốn năm 2025                              |              |              |                                       |          |               |       |         |              |              |                                       |          | Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025                              |       |         |              |              |                                       |   |   |   |   |   |  |
|     |                                                                                                                                                                    | Tổng vốn                                           | Trong đó:     |       |         |              |              |                                       | Tổng vốn | Trong đó:     |       |         |              |                                                                                             |                                       | Tổng vốn | Trong đó:     |     |         |              |              |                                       | Tổng vốn | Trong đó:     |       |                                                    |              |              |                                       | Tổng vốn | Trong đó:     |       |         |              |              |                                       | Tổng vốn | Trong đó:                                                                                   |       |         |              |              |                                       |   |   |   |   |   |  |
|     |                                                                                                                                                                    |                                                    | NSDP bao gồm: |       |         |              |              |                                       |          | NSDP bao gồm: |       |         |              |                                                                                             |                                       |          | NSDP bao gồm: |     |         |              |              |                                       |          | NSDP bao gồm: |       |                                                    |              |              |                                       |          | NSDP bao gồm: |       |         |              |              |                                       |          |                                                                                             |       |         |              |              |                                       |   |   |   |   |   |  |
|     |                                                                                                                                                                    |                                                    | NST           |       |         |              |              |                                       |          | NST           |       |         |              |                                                                                             |                                       |          | NST           |     |         |              |              |                                       |          | NST           |       |                                                    |              |              |                                       |          | NST           |       |         |              |              |                                       |          | NST                                                                                         |       |         |              |              |                                       |   |   |   |   |   |  |
|     |                                                                                                                                                                    |                                                    | Trong đó:     |       |         |              |              |                                       |          | Trong đó:     |       |         |              |                                                                                             |                                       |          | Trong đó:     |     |         |              |              |                                       |          | Trong đó:     |       |                                                    |              |              |                                       |          | Trong đó:     |       |         |              |              |                                       |          | Trong đó:                                                                                   |       |         |              |              |                                       |   |   |   |   |   |  |
|     |                                                                                                                                                                    |                                                    | NSTW          | NST   | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |          | NSTW          | NST   | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD                                                                                | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |          | NSTW          | NST | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |          | NSTW          | NST   | Tổng số                                            | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |          | NSTW          | NST   | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |          | NSTW                                                                                        | NST   | Tổng số | Vốn phân cấp | Thu tiền SDD | Vốn khác (tăng thu, tiết kiệm chi...) |   |   |   |   |   |  |
| 408 | Đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thôn Kach Nhò, xã Đăk Sào                                                                                              | UBND xã Đăk Sào                                    | 178           | 162   | -       | 16           | 16           | -                                     | -        | -             | -     | -       | -            | -                                                                                           | -                                     | -        | 2,5           | 2,5 | -       | -            | -            | -                                     | -        | 178           | 162   | 16                                                 |              | 16           | 16                                    | -        | -             | 0     | -       | 0            | -            | -                                     | -        | 3                                                                                           | 3.394 | -       | -            | -            | -                                     | - | - |   |   |   |  |
| 409 | Đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thôn Đăk Ráp 2, xã Đăk Nơ                                                                                              |                                                    | 178           | 162   | -       | 16           | 16           | -                                     | -        | -             | -     | -       | -            | -                                                                                           | -                                     | -        | 3,5           | 3,5 | -       | -            | -            | -                                     | -        | 178           | 162   | 16                                                 |              | 16           | 16                                    | -        | -             | 0     | -       | 0            | -            | -                                     | -        | 3                                                                                           | 2.513 | -       | -            | -            | -                                     | - | - |   |   |   |  |
| VI  | Đầu tư xây dựng thông tin truyền thông, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình |                                                    | 7.792         | 7.508 | -       | 284          | 7            | 277                                   | -        | 4.979         | 4.700 | -       | 279          | 2                                                                                           | 277                                   | -        | 40            | 38  | -       | 5            | 5            | -                                     | -        | 7.792         | 7.508 | 284                                                | -            | 284          | 7                                     | 277      | -             | 4.979 | 4.700   | 279          | -            | 279                                   | 2        | 277                                                                                         | -     | 40      | 38           | 5            |                                       | 5 | 5 | - | - | - |  |
| *   | Tiến độ dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi             |                                                    | 7.792         | 7.508 | -       | 284          | 7            | 277                                   | -        | 4.979         | 4.700 | -       | 279          | 2                                                                                           | 277                                   | -        | 40            | 38  | -       | 5            | 5            | -                                     | -        | 7.792         | 7.508 | 284                                                | -            | 284          | 7                                     | 277      | -             | 4.979 | 4.700   | 279          | -            | 279                                   | 2        | 277                                                                                         | -     | 40      | 38           | 5            |                                       | 5 | 5 | - | - | - |  |

[illegible]

Phụ lục 6

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đvt: Triệu đồng

| TT  |                                                                                                                                                                        | Chủ đầu tư/<br>Đầu mối giao kế hoạch                         | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) đã được cấp thẩm quyền giao |           |         |                  |                              |                       |           |         |                  |      | Điều chỉnh, bổ sung |      |                       |      |                          |      |                       |        | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh |                          |        |                       |                          |  | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|------------------|------------------------------|-----------------------|-----------|---------|------------------|------|---------------------|------|-----------------------|------|--------------------------|------|-----------------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------|-----------------------|--------------------------|--|---------|
|     |                                                                                                                                                                        |                                                              | Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025                                                                                                                                              |           |         |                  |                              | Kế hoạch vốn năm 2025 |           |         |                  |      | NSTW                |      |                       |      | Ngân sách tỉnh (XDCB TT) |      |                       |        | Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025                                                                                                                                 |                          |        | Kế hoạch vốn năm 2025 |                          |  |         |
|     |                                                                                                                                                                        |                                                              | Tổng vốn                                                                                                                                                                    | Trong đó: |         |                  |                              | Tổng vốn              | Trong đó: |         |                  |      | Kế hoạch trung hạn  |      | Kế hoạch vốn năm 2025 |      | Kế hoạch trung hạn       |      | Kế hoạch vốn năm 2025 |        | Tổng vốn                                                                                                                                                       | Trong đó:                |        | Tổng vốn              | Trong đó:                |  |         |
|     |                                                                                                                                                                        |                                                              |                                                                                                                                                                             | NSTW      | Tổng số | Tình giao đầu kỳ | Huyện giao từ nguồn phân cấp |                       | NSTW      | Tổng số | Tình giao đầu kỳ | Tăng | Giảm                | Tăng | Giảm                  | Tăng | Giảm                     | Tăng | Giảm                  | NSTW   |                                                                                                                                                                | NST (Vốn XDCB tập trung) | NSTW   |                       | NST (Vốn XDCB tập trung) |  |         |
|     | TỔNG CỘNG                                                                                                                                                              |                                                              | 95.540                                                                                                                                                                      | 86.222    | 9.318   | 5.753            | 3.565                        | 24.867                | 22.631    | 2.236   | 2.236            | 870  | 870                 | 870  | 1.800                 | 131  | 7.330                    | 131  | 2.236                 | 88.043 | 86.222                                                                                                                                                         | 2.119                    | 21.562 | 21.701                | 131                      |  |         |
| I   | Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt                                                                                        |                                                              | 12.379                                                                                                                                                                      | 10.778    | 1.601   | 1.077            | 524                          | 11.825                | 10.750    | 1.075   | 1.075            | -    | -                   | -    | -                     | -    | 1.601                    | -    | 1.075                 | 10.480 | 10.778                                                                                                                                                         | -                        | 10.480 | 10.750                | -                        |  |         |
| 1   | Huyện Trà Bồng (cũ)                                                                                                                                                    |                                                              | 12.052                                                                                                                                                                      | 10.480    | 1.572   | 1.048            | 524                          | 11.528                | 10.480    | 1.048   | 1.048            |      |                     |      |                       |      | 1.572                    |      | 1.048                 | 10.480 | 10.480                                                                                                                                                         | -                        | 10.480 | 10.480                | -                        |  |         |
| 2   | Huyện Minh Long (cũ)                                                                                                                                                   |                                                              | 327                                                                                                                                                                         | 298       | 29      | 29               |                              | 297                   | 270       | 27      | 27               |      |                     |      |                       |      | 29                       |      | 27                    |        | 298                                                                                                                                                            | -                        |        | 270                   | -                        |  |         |
| II  | Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết                                                                                              |                                                              | 10.850                                                                                                                                                                      | 9.434     | 1.416   | 944              | 472                          | 10.378                | 9.434     | 944     | 944              | -    | -                   | -    | -                     | -    | 1.416                    | -    | 944                   | 9.434  | 9.434                                                                                                                                                          | -                        | 9.434  | 9.434                 | -                        |  |         |
| 1   | Huyện Ba Tơ (cũ)                                                                                                                                                       |                                                              | 10.850                                                                                                                                                                      | 9.434     | 1.416   | 944              | 472                          | 10.378                | 9.434     | 944     | 944              |      |                     |      |                       |      | 1.416                    |      | 944                   | 9.434  | 9.434                                                                                                                                                          | -                        | 9.434  | 9.434                 | -                        |  |         |
| III | Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc |                                                              | 1.462                                                                                                                                                                       | 1.331     | 131     | 131              | -                            | 2.664                 | 2.447     | 217     | 217              | 870  | 870                 | 870  | 1.800                 | 131  | 131                      | 131  | 217                   | 1.462  | 1.331                                                                                                                                                          | 131                      | 1.648  | 1.517                 | 131                      |  |         |
| I.1 | Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi                                              |                                                              | 1.462                                                                                                                                                                       | 1.331     | 131     | 131              | -                            | 2.664                 | 2.447     | 217     | 217              | 870  | 870                 | 870  | 1.800                 | 131  | 131                      | 131  | 217                   | 1.462  | 1.331                                                                                                                                                          | 131                      | 1.648  | 1.517                 | 131                      |  |         |
| 1   | Huyện Sơn Tây (cũ)                                                                                                                                                     |                                                              |                                                                                                                                                                             |           |         |                  |                              |                       |           |         |                  |      |                     |      |                       |      |                          |      |                       |        |                                                                                                                                                                |                          |        |                       | -                        |  |         |
|     | - Số vốn trung hạn còn lại UBND huyện Sơn Tây chưa phân bổ trước khi kết thúc hoạt động                                                                                |                                                              | 957                                                                                                                                                                         | 870       | 87      | 87               |                              |                       |           |         |                  |      | 870                 |      |                       |      | 87                       |      |                       |        | -                                                                                                                                                              | -                        |        | -                     | -                        |  |         |
|     | - Đường KDC Nước Niêm đi Nước Ngãi                                                                                                                                     | Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông tỉnh |                                                                                                                                                                             |           |         |                  |                              | 1.980                 | 1.800     | 180     | 180              |      |                     |      | 1.800                 |      | -                        |      | 180                   |        | -                                                                                                                                                              | -                        |        | -                     | -                        |  |         |
| 2   | Bổ sung kế hoạch đầu tư công thực hiện các dự án trên địa bàn xã Sơn Tây Thượng                                                                                        | UBND xã Sơn Tây Thượng                                       |                                                                                                                                                                             |           |         |                  |                              |                       |           |         |                  | 870  |                     | 870  |                       | 131  |                          | 131  |                       | 1.001  | 870                                                                                                                                                            | 131                      | 1.001  | 870                   | 131                      |  |         |
| 3   | Huyện Ba Tơ (cũ)                                                                                                                                                       |                                                              | 246                                                                                                                                                                         | 225       | 21      | 21               |                              | 246                   | 225       | 21      | 21               |      |                     |      |                       |      | 21                       |      | 21                    | 225    | 225                                                                                                                                                            | -                        | 225    | 225                   | -                        |  |         |
| 4   | Huyện Minh Long (cũ)                                                                                                                                                   |                                                              | 259                                                                                                                                                                         | 236       | 23      | 23               |                              | 438                   | 422       | 16      | 16               |      |                     |      |                       |      | 23                       |      | 16                    | 236    | 236                                                                                                                                                            | -                        | 422    | 422                   | -                        |  |         |

| TT |                                                                                                                                                                  | Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) đã được cấp thẩm quyền giao |                      |         |                  |                              |                       |                      |         |                  |      | Điều chỉnh, bổ sung |   |                       |       |                          |   |                       |        | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh |           |                          |                       |           |                          | Ghi chú |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------|------------------|------------------------------|-----------------------|----------------------|---------|------------------|------|---------------------|---|-----------------------|-------|--------------------------|---|-----------------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|-----------------------|-----------|--------------------------|---------|
|    |                                                                                                                                                                  |                                   | Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025                                                                                                                                              |                      |         |                  |                              | Kế hoạch vốn năm 2025 |                      |         |                  |      | NSTW                |   |                       |       | Ngân sách tỉnh (XDCB TT) |   |                       |        | Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025                                                                                                                                 |           |                          | Kế hoạch vốn năm 2025 |           |                          |         |
|    |                                                                                                                                                                  |                                   | Tổng vốn                                                                                                                                                                    | Trong đó:            |         |                  |                              | Tổng vốn              | Trong đó:            |         |                  |      | Kế hoạch trung hạn  |   | Kế hoạch vốn năm 2025 |       | Kế hoạch trung hạn       |   | Kế hoạch vốn năm 2025 |        | Tổng vốn                                                                                                                                                       | Trong đó: |                          | Tổng vốn              | Trong đó: |                          |         |
|    |                                                                                                                                                                  |                                   |                                                                                                                                                                             | NST (XDCB tập trung) |         |                  |                              |                       | NST (XDCB tập trung) |         |                  |      |                     |   |                       |       |                          |   |                       |        |                                                                                                                                                                | NSTW      | NST (Vốn XDCB tập trung) |                       | NSTW      | NST (Vốn XDCB tập trung) |         |
|    |                                                                                                                                                                  |                                   |                                                                                                                                                                             | NSTW                 | Tổng số | Tình giao đầu kỳ | Huyện giao từ nguồn phân cấp |                       | NSTW                 | Tổng số | Tình giao đầu kỳ | Tăng |                     |   |                       |       |                          |   |                       |        |                                                                                                                                                                |           |                          |                       |           |                          |         |
| IV | Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình |                                   | 70.849                                                                                                                                                                      | 64.679               | 6.170   | 3.601            | 2.569                        | -                     | -                    | -       | -                | -    | -                   | - | -                     | 4.182 | -                        | - | 66.667                | 64.679 | 1.988                                                                                                                                                          | -         | -                        | -                     | -         |                          |         |
| 1  | Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi              |                                   | 70.849                                                                                                                                                                      | 64.679               | 6.170   | 3.601            | 2.569                        |                       |                      | -       |                  |      |                     |   |                       | 4.182 |                          |   | 66.667                | 64.679 | 1.988                                                                                                                                                          |           |                          | -                     | -         |                          |         |
|    |                                                                                                                                                                  |                                   |                                                                                                                                                                             |                      |         |                  |                              |                       |                      |         |                  |      |                     |   |                       |       |                          |   |                       |        |                                                                                                                                                                |           |                          |                       |           |                          |         |

**Ghi chú:** Kế hoạch vốn điều chỉnh giảm đợt này nhưng chưa bổ sung cho danh mục dự án khác thuộc chương trình gồm: (1) 930 triệu đồng (kế hoạch vốn năm 2025) nguồn ngân sách trung ương; (2) 7,199 tỷ đồng (kế hoạch trung hạn) và 2,105 tỷ đồng (kế hoạch vốn năm 2025) nguồn ngân sách địa phương. Theo đó: (1) Đối với kế hoạch vốn nguồn ngân sách địa phương sẽ thực hiện điều chỉnh, bổ sung cho các dự án đầu tư công khác của tỉnh; (2) Đối với kế hoạch vốn năm 2025 nguồn ngân sách trung ương (930 triệu đồng) không thể thực hiện điều chỉnh do không còn hạn mức trong kế hoạch trung hạn của các dự án thuộc Chương trình, nên số vốn này sẽ được thu hồi về ngân sách trung ương khi hết thời hạn thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn theo quy định.